

BẢNG GIÁ

Price list
10/2018



www.nanoco.com.vn



info@nanoco.com.vn



fb.com/nanoco.com.vn

Panasonic

BỀN BỈ THEO THỜI GIAN



LED DOWLIGHT



LED DOWLIGHT
SIÊU MỎNG



LED BULB TRỤ



19006711

SHOWROOM VÀ PHÒNG DỰ ÁN

HÀ NỘI

83 Đường Láng, Phường Ngã Tư Sở, Quận
Đống Đa, TP Hà Nội
Ext: 1

HỒ CHÍ MINH

10 Trương Định, Phường Bến Thành, Quận 1, TP
Hồ Chí Minh - Ext: 0
675 - 677 Điện Biên Phủ, Phường 25,
Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
(Bắt đầu hoạt động từ tháng 02/2019)



Zalo



Youtube



Website

PHÒNG BẢO HÀNH VÀ PHÒNG KINH DOANH

HÀ NỘI

Lô CN 8 - Cụm Công Nghiệp Từ Liêm,
Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm
P.BH - Ext: 239 & P.KD: Ext: 237 - 238

HỒ CHÍ MINH

Số 1A Đường 26, KDC Bình Phú, Phường 10,
Quận 6, TP Hồ Chí Minh
P.BH - Ext: 113 & P.KD - Ext: 108 - 109 - 110

BẮC NINH

Số 23 Đường số 3, KCN Đô thị và Dịch vụ VSIP
Bắc Ninh, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh
P.BH - Ext: 258 & P.KD - Ext: 255 - 256 - 257

LONG AN

Lô D05, KCN Đức Hòa 1 - Hạnh Phúc, Ấp 5, Xã
Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An
P.KD - Ext: 101, 102, 103

HẢI PHÒNG

Lô CN 3.2D, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải 2,
Quận Hải An, TP Hải Phòng
P.BH - Ext: 221 & P.KD - Ext: 218 - 219 - 220

CẦN THƠ

168A Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 8, Phường An
Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
P.BH & P.KD - Ext: 191

VINH

Số 8 Đường số 3, KCN VSIP, Xã Hưng Tây,
Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An
P.BH & P.KD - Ext: 230 - 231

BIÊN HÒA

Lô 243 Đường số 12, KCN Amata, Phường Long
Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
P.BH - Ext: 185 & P.KD - Ext: 183 - 184

ĐÀ NẴNG

Km800 Quốc lộ 1A, Thôn Đông Hòa, Xã Hòa
Châu, Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng
P.BH & P.KD - Ext: 208 - 209 - 210

NINH THỦY

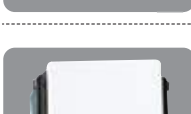
Lô A CN 22-03 KCN Ninh Thủy, Phường Ninh
Thủy, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa
P.BH & P.KD - Ext: 199 - 200

QUY NHƠN

Lô A 39, KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP
Quy Nhơn, Bình Định
P.BH & P.KD - Ext: 175 - 176

Halumie



	WEVH5531/ WEVH5531-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	19.500
	WEVH5521/ WEVH5521-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	19.500
	WEVH5511/ WEVH5511-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	19.500
	WEVH5532/ WEVH5532-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	44.000
	WEVH5522/ WEVH5522-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	44.000
	WEVH5512/ WEVH5512-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	44.000
	WEVH5542-7 Dùng với mặt WEVH68030 Công tắc C, 2 chiều, loại đôi 250VAC - 10A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	134.000
	WEVH5003 Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	154.000
	WEVH5004 Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E - 4 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	247.000
	WEVH5033-7 Có đèn báo Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow Switch - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	243.000
	WEVH68010 Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.000
	WEVH68020 Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.000
	WEVH68030 Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.000
	WEVH680290 Mặt dùng riêng cho WEV1181SW/2P MCB 1 gang center - 2 devices palte for WEV1181SW/2P MCB Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.000
	WEVH68910 Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.000
	WEVH8061 Mặt dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	18.000
	WEVH68040 Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	33.000
	WEVH68060 Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	33.000
	WEVH5151 - 51/WEVH5151-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	112.000
	WEVH5152 - 51/WEVH5152-7 (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	132.000
	WEVH5401-011 Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	67.000

FULL COLOR
WIDE
SERIES



	WEV5001SW/WEV5001-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	17.500
	WEV5002SW/WEV5002-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C - 2 way Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	39.000
	WEG5003KSW Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	139.000
	WEG5004KSW Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E - 4 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	222.000
	WEG5151-51SWK/WEG51517SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	102.000
	WEG5152-51SWK/WEG51527SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	120.000
	WEV5033-7SW Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	216.000
	WEG5141SW Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250VAC - 6A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	279.000
	WEG5401-011SW Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	62.000
	WEG575151SW Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W Loại có chức năng bật tắt Dimmer for Incandescent lamp, Off function type Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	299.000
	WEF11721W8 Ổ cắm USB/USB Charger Input: AC220V / Output: 5V - 2A	790.000
	WEV1081SW/WEV1081-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Unisersal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	35.000
	WEV1181SW/WEV1181-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	61.000
	WEV1582SW/WEV1582-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	89.000
	WEV1091SW Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	28.000
	WEV2501SW Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	76.500
	WEV2364SW Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.500
	WEV2488SW WEV24886SW Ổ cắm data CAT5/ Ổ cắm data CAT6 Data modular CAT5/ Data modular CAT6 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	167.000 199.900
	WEGP1041SW-1 Bộ ổ cắm đa năng chuẩn A, 250V - 13A 1 - gang multiple socket (A type plate) Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng	247.000
	WEG1001SW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 16A Flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	28.000
	WEG1090SW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 16A round pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	28.000

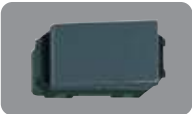
	WEG3020SW Nút trống Blank chip Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	9.800
	WEG3023SW Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm Telephone wire chip dia 9mm/16mm Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	9.800
	WEV68010SW Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	16.000
	WEV68020SW Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	16.000
	WEV68030SW Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	16.000
	WEV68910SW Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	16.000
	WEV680290SW Mặt riêng cho WEV1181SW/2P MCB 1-gang center 2 devices plate or for WEV1181SW/2P MCB Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	16.000
	WEV7061SW Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng	16.000

	WBC8981SW Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho công tắc, có nắp che mưa IP43 Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	175.000
	WBC8991W Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho ổ cắm, có nắp che mưa IP43 Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	192.000
	WEB7811SW Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	19.900
	WEB7812SW Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	19.900
	WEB7813SW Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	19.900
	WEBP1041SW-P Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A 1 gang multiple socket (BS type plate) Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	249.000

	WEG57912SW (Thời gian đặt hàng 4 tháng) Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	675.000
	WEG6804SW Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	32.000
	WEG6806SW Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	32.000
	WEG7901 Mặt 1 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 1 device IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	217.000
	WEG7902 Mặt 2 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 2 devices IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	217.000
	WEG7903 Mặt 3 thiết bị - có nắp che mưa Weatherproof plate 1 gang - 3 devices IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	217.000
	WEG8981 Mặt có nắp che mưa Weatherproof plate - IP55 Đóng gói 5 cái/ hộp, 20 cái/ thùng	205.000

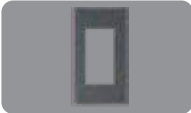
BS - TYPE

	WBC7010 Thiết bị chuyển tiếp 20A chuẩn BS, màu trắng Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng	134.000
	WBC7020 Thiết bị chuyển tiếp 45A chuẩn BS, màu trắng Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng	185.000
	WEB1111SWK Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A Receptacle - BS standard Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	109.000
	WEB7811MW Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	37.000
	WEB7812MW Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	37.000
	WEB7813MW Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	37.000
	WBG8981 - P Mặt có nắp che mưa chuẩn BS Weatherproof plate (BS type plate), IP55 Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng	205.000

	WEV5001H/WEV5001-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B (1 - way) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	32.000		WEV1081H/WEV1081-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	44.000
	WEV5002H/WEV5002-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C (2 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	56.000		WEV1181H/WEV1181-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	83.000
	WEG5003KH Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A Switch D (2 poles) Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	196.000		WEV1582H/WEV1582-7H Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	121.000
	WEG5004KH Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E (4 ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	299.000		WEV2501H Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/thùng	115.000
	WEG5151-51KH/WEG51517H Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	129.000		WEV2364H Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	115.000
	WEG5152-51KH Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	160.000		WEV2488H - CAT5 WEV24886H - CAT6 Ổ cắm data Data modular Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	200.000 240.000
	WEV5033-7H Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	269.000		WEG3020H Nút trống Blank chip Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	13.500
	WEG5401-7H Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	95.000		WEG3032RH Đèn báo màu đỏ, 220VAC Pilot lamp red Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	129.000
	WEG575151H Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn, loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W Dimmer for incandescent lamp, Off function type Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	520.000		WEG57912H (Thời gian đặt hàng 4 tháng) Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	770.000

MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM

	WEG6501 - 1 Dùng cho 1 thiết bị 1 device metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	72.000		WEG6503 - 1 Dùng cho 3 thiết bị 3 devices metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	72.000
	WEG6502 - 1 Dùng cho 2 thiết bị 2 devices metal plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	72.000		WEG65029 - 1 Dùng riêng cho WEV1181SW/ WEV1191SW/ 2P MCB 1-gang center 2 devices metal plate or for WEV1181SW/ WEV1191SW/2P MCB only Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	72.000

	WEG68010MB Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device color plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	26.000		WEG68010MW Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device color plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	26.000
	WEG68020MB Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices color plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	26.000		WEG68020MW Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices color plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	26.000
	WEG68030MB Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices color plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	26.000		WEG68030MW Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices color plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	26.000
	WEG680290MB Mặt dùng riêng cho WEV1181SW/ 2P MCB 1-gang center 2 devices color plate or for WEV1181SW/ 2P MCB only Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	26.000		WEG680290MW Mặt dùng riêng cho WEV1181SW/ 2P MCB 1-gang center 2 devices color plate or for WEV1181SW/ 2P MCB only Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	26.000
	WEG6804MB Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	44.000		WEG6804MW Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	44.000
	WEG6806MB Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	44.000		WEG6806MW Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices color plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	44.000

CHUÔNG ĐIỆN

	EGG331 Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A Bell push button Đóng gói 20 cái/thùng Kết nối được 02 chuông EBG888	102.000		EBG888 Chuông điện, 220V - 9.5W, 50Hz, 82dB Door chime Đóng gói 10 cái/thùng	175.000
---	---	----------------	--	--	----------------

Ổ CẮM CÓ DÂY

	WCHG28334 Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 250VAC - 16A Extension cord 3 sockets, 3m Đóng gói 5 cái/thùng	970.000		WCHG2836 Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 250VAC - 16A Extension cord 6 sockets, 3m Đóng gói 5 cái/thùng	720.000
	WCHG28352 Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 250VAC - 16A Extension cord 5 sockets, 3m Đóng gói 5 cái/thùng	790.000		WCHG24332W Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 250VAC - 10A Extension cord 3 sockets, 3m Đóng gói 5 cái/thùng	399.000

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN/BÁO CHÁY

Độ nhạy cao: Đầu dò với thiết bị cảm ứng Napion sản xuất theo công nghệ Panasonic. Tuổi thọ cao: Thiết kế chức năng bật tắt 100.000 lần ở chế độ toàn tải.					
	WTKG2311 Tự động bật sáng khi có người và trời tối 220 - 240VAC 3A Sản xuất tại Đài Loan Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút	2.420.000		WTKG2411 - P Sensor chính 3A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 4 sensor phụ Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút Bóng đèn sợi đốt 660W - Bóng đèn huỳnh quang 330W Điều chỉnh độ nhạy sáng: 5 - 1000 lux	1.500.000
Loại gắn nổi			Sản xuất tại Thái Lan		
	WTKG2310 - P Tự động bật sáng khi có người 220 - 240VAC 3A Chế độ hẹn giờ 60 giây Sản xuất tại Thái Lan Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút	1.120.000		WTKG2911 - P Sensor phụ Chỉ kết nối với WTKG2411 - P Không kết nối với đèn	900.000
Loại âm trần			Lắp trần và tường		
				SH28455911 Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói) Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố do lỗi kỹ thuật Sản xuất tại Nhật Bản	930.000



Refina MÀU

	WEG55317MB Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	41.000
	WEG55327MB Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	72.000
	WEG55317MW Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	41.000
	WEG55327MW Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	72.000

Refina TRẮNG

	WEV5531SW/ WEV5531-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	32.000
	WEV5532SW/ WEV5532-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	59.000
	WEV5521SW/ WEV5521-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	32.000
	WEV5522SW/ WEV5522-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	59.000
	WEV5511SW/ WEV5511-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	32.000
	WEV5512SW/ WEV5512-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	59.000
	WEC5542-7SW Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Switch C - 3 ways Dùng với mặt WEV68030SW Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	135.000
	WEB5533-7SW (Bắt vít) Công tắc D có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow Switch D (2 poles) Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	259.000

CHUYÊN DỤNG CHO KHÁCH SẠN - HOTEL WIRING DEVICES

	WEG3032R-021 Đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A "Do not disturb" pilot lamp Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	139.000
	WEB1051W Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu Shaver socket build switch In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC Đóng gói 1 cái/ hộp, 10 cái/ thùng	1.460.000
	WEG3032G-031 Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A "Please clean up" pilot lamp Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	139.000
	WEB5781WK Công tắc thẻ / Card Switch 220VAC - 16A Hàng không có sẵn Đặt hàng trước 4 tháng	1.650.000



Gen-X A-TYPE

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO



WTEGP51552S - 1 - G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
Illuminated switch "C", 3 - ways
1 - device with plate

760.000



WTEGP52562S - 1 - G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
Illuminated switch "C", 3 - ways
2 - devices with plate

1.290.000



WTEGP53572S - 1 - G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
Illuminated switch "C", 3 - ways
3 - devices with plate

1.920.000



WTEGP54562S - 1 - G
Bộ 4 công tắc có đèn báo
Illuminated switch "C", 3 - ways
4 - devices with plate

2.570.000



WTEGP55582S - 1 - G
Bộ 5 công tắc có đèn báo
Illuminated switch "C", 3 - ways
5 - device with plate

3.200.000



WTEGP56572S - 1 - G
Bộ 6 công tắc có đèn báo
Illuminated switch "C", 3 - ways
6 - devices with plate

3.850.000



kiểu dáng cực mỏng

Nắp che được thiết kế
hoàn toàn phẳng.



WTEG6503S - 1 - G
Mặt đứng 3 thiết bị
1 - gang, 3 - devices

460.000

MẶT ĐẲNG

BS - TYPE



WTFBP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch "C",
3 ways, 1 device with plate

640.000



WTFBP52562S-1-G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch "C",
3 ways, 2 devices with plate

1.090.000



WTFBP53572S-1-G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch "C",
3 ways, 3 devices with plate

1.620.000



WTFB6503S-1-G
Mặt đứng 3 thiết bị
1 gang, 3 devices plate

390.000



WEV2501B
Ổ cắm TV
DIN type television terminal

124.000



WEV2364B
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack (6P4C)

124.000



WEV2488B
Ổ cắm dạng CAT5
CAT5E data
Modular jack

248.000



WEG57912B-1
Bộ điều chỉnh độ sáng cho
đèn LED có chức năng điều
chỉnh độ sáng (Max 8 đèn
LED hoặc tổng công suất
nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for
LED dimmable bulb (Max 8
LED bulbs or less than 50W)
Đóng gói 10 cái/hộp, 20
cái/thùng
Thời gian đặt hàng 4 tháng

790.000



WEG57816B - 1 - G
Bộ điều chỉnh sáng tối
500W, 220V
Dimmer switch 220VAC, 500W

590.000



WEG57813B-1-G
Bộ điều chỉnh sáng tối
300W, 220V
Dimmer switch 220VAC 300W

530.000



WEG15829B - G
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối dây
16A - 250V
Grounding duplex universal receptacle
With safety shutter 16A - 250V

130.000



WEG3020B - G
Nút trống
Blank chip

16.000

	WNV5001-7W Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B(1 - way) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	12.000
	WNG5021W-7 Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Twin Switch B, single pole Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	92.000
	WNV5002-7W Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C(2 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	34.000
	WNG5003W-7 Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 10A Switch D(2 poles) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	109.000
	WNG5004W-7 Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A Switch E(4 - ways) Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	175.000
	WN5241W-801 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A Appellation glow switch B Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	354.000
	WNG5051W-751 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	102.000
	WNG5052W-751 Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	123.000
	WNG5343W - 761 Công tắc D có đèn báo Dùng cho máy nước nóng (có chữ) 250VAC - 20A Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	180.000
	WBG5414699W Công tắc D có đèn báo Dùng cho máy lạnh (có chữ) 250VAC - 20A Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	180.000
	WBG5414699W - SP Công tắc D có đèn báo Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ) 250VAC - 20A Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	180.000
	WBG5408699W Công tắc D có đèn báo Dùng cho bếp điện, máy nước nóng 250VAC - 45A Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	369.000
	WSG3001 Công tắc B, 1 chiều, loại nổi Surface mounting switch B, single pole 300VAC - 10A Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	40.000
	WNV1081-7W Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	29.000
	WNV1091-7W Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A Universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	25.000
	WNG159237W Ổ cắm đôi có dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	74.000
	WZV1201W Ổ cắm TV Television terminal 75 Ohm Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/thùng	61.000
	WNTG15649W Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	76.000
	NRV3160W Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5 Data modular jack RJ45 - CAT5 Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	165.000
	WNG5401W-7K Nút nhấn chuông, 300VAC - 10A Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	57.000
	WKG1092250 Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting duplex universal receptacle Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	50.000
	WN3020W Nút trống Blank chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng	9.900
	WN3023W Lỗ ra dây điện thoại Telephone wire chip Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng	9.900
	WN10907KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn) 250VAC - 10A Round pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	30.000
	WN1001-7KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp) 250VAC - 10A Flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	30.000
	WN11017W Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp) 250VAC - 10A Grounding flat pin receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	57.000

MẶT ĐẬY FULL COLOR

**WZV7841W**

Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500

**WZV7842W**

Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500

**WZV7843W**

Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500

**WZV7061W**

Mặt góc vuông dùng cho HB
1 gang plate for HB breaker
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500

**WZV7844W**

Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gang - 4 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

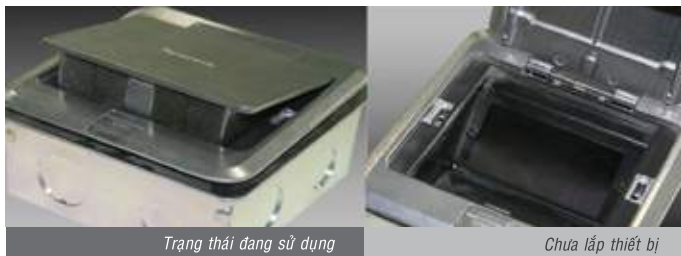
31.000

**WZV7846W**

Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gang - 6 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

31.000

Ổ CẮM ÂM SÀN (Loại 3 thiết bị)



Trạng thái đang sử dụng

Chưa lắp thiết bị

**DUF1200LTK-1****Chất liệu: Kim loại**

Bộ ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm hộp âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with outlet box

1.020.000



Đóng

Mở

**DUMF3200LT-1****Chất liệu: Kim loại**

Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm hộp âm (54 x 120 x 120mm)
Multi floor outlet, blank for six device with outlet box

1.700.000

Ổ CẮM ÂM SÀN

Kiểu dáng đẹp - Thiết kế an toàn cho sàn nhà



Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ HỘP ÂM

(Loại lắp 3 thiết bị)

Quy cách hộp âm: 119 x 119 x 54mm

**DU81931HTK-1**

Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất
Grounding duplex universal receptacle

820.000

**DU8199HTK-1**

Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị), bao gồm đế âm
Floor outlet, blank for triple device with cover unit

750.000

(Loại lắp 2 thiết bị)

Quy cách hộp âm: 102 x 102 x 45mm

Chất liệu: Nhựa tổng hợp

**DU7199HTC-1**

Ổ cắm âm sàn 2 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị), bao gồm đế âm
Floor outlet, blank for double device with cover unit

620.000

(*) Lưu ý: Không lau chùi sản phẩm bằng hóa chất hoặc các chất tẩy rửa

*Giá bán đã bao gồm VAT

nanoco TỦ ĐIỆN



NDP104

- Tủ điện mặt nhựa, đế kim loại chứa 2 - 4 modules
- Kích thước âm tường: 200x125x58mm

NDP104P

- Tủ điện mặt nhựa, đế nhựa chứa 2 - 4 modules
- Kích thước âm tường: 200x125x65mm

115.000



NDP108

- Tủ điện mặt nhựa, đế kim loại chứa 4 - 8 modules
- Kích thước âm tường: 200x200x58mm

NDP108P

- Tủ điện mặt nhựa, đế nhựa chứa 4 - 8 modules
- Kích thước âm tường: 200x200x65mm

176.000



NDP110

- Tủ điện vỏ kim loại chứa 5 - 10 modules
- Kích thước âm tường: 200x265x58mm

270.000



NDP114

- Tủ điện vỏ kim loại chứa 10 - 14 modules
- Kích thước âm tường: 200x337x58mm

330.000



NDP120

- Tủ điện vỏ kim loại chứa 12 - 20 modules
- Kích thước âm tường: 380x283x58mm

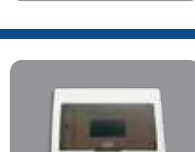
550.000



NDP126

- Tủ điện vỏ kim loại chứa 18 - 26 modules
- Kích thước âm tường: 380x320x58mm

790.000



NDP128

- Tủ điện vỏ kim loại chứa 20 - 28 modules
- Kích thước âm tường: 380x340x58mm

895.000

Nano® TỦ ĐIỆN



FB500

- Hộp cho cầu dao tổng và cầu dao chống dòng rò
- Distribution panel for HB, BJJ, BJS, MCCB
- Kích thước: 110x180x50mm
- Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/cây

125.000



FBD401

- Hộp phân phối 2 - 4 modules cho cầu dao tép
- Distribution panel for MCD
- Kích thước: 110x180x50mm
- Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/cây

125.000



FBD601

- Hộp phân phối 4 - 6 modules cho cầu dao tép
- Distribution panel for MCD
- Kích thước: 200x160x65mm
- Đóng gói 1 cái/hộp

260.000

ĐÈN BẢO



N302WF - Nanoco - Full

(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

N302WW - Nanoco - Wide

(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

FXF302WW - Nano - Full

(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)

FXW302W - Wide

(Đóng gói 10 cái/hộp, 160 cái/thùng)

- Đèn bảo màu trắng
- Pilot lamp, white 220VAC

18.000



N302GF - Nanoco - Full

(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

N302GW - Nanoco - Wide

(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

FXF302GW - Nano - Full

(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)

FXW302G - Wide

(Đóng gói 10 cái/hộp, 160 cái/thùng)

- Đèn bảo màu xanh
- Pilot lamp, green 220VAC

18.000



N302RF - Nanoco - Full

(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

N302RW - Nanoco - Wide

(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

FXF302RW - Nano - Full

(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)

FXW302R - Wide

(Đóng gói 10 cái/hộp, 160 cái/thùng)

- Đèn bảo màu đỏ
- Pilot lamp, red 220VAC

18.000

BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

Xuất xứ: Taiwan



FKPT10	10YDS	60.000/cây
FKPT20	20YDS	107.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng

Xuất xứ: PRC



FKPC9	9YDS	44.000/cây
FKPC10	10YDS	49.000/cây
FKPC18	18YDS	85.000/cây
FKPC20	20YDS	94.000/cây

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng



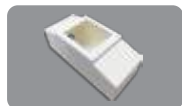
MẶT VÀ ĐAI SẮT DÙNG CHO HB



NS80

- Đai sắt dùng cho HB
- (Dùng cho WEVH8061, WEV7061SW, WZV7061W)
- Frame for HB
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500



NHB9801

- Hộp nối dùng cho HB
- Mounting surface plate for HB
- Đóng gói 100 cái/thùng

8.000

HỘP ÂM VÀ HỘP NỔ



NBD200

- Hộp âm cho CB tép
- Wiring box for MCB
- Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng

9.000



**NN101F/ FN101M - Full
NN101W - Wide**

- Hộp nối đơn
- Surface box
- Đóng gói 100 cái/thùng

10.500



**NN102F - Full
NN102W - Wide**

- Hộp nối đôi
- Duplex surface box
- Đóng gói 60 cái/thùng

16.000



NA101

- Hộp âm nhựa trắng, đơn
- Wiring box - 1 gang
- Đóng gói 100 cái/thùng

6.200



NA102

- Hộp âm đôi
- Wiring box - 2 gang
- Đóng gói 60 cái/thùng

14.000



NA105

- Đế âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
- Wiring box - BS Standard
- Đóng gói 100 cái/thùng

6.000



NPCA104

- Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn
- Wiring box - 131x106x42.5mm
- Đóng gói 50 cái/thùng

14.000

Tất cả các sản phẩm hộp âm và hộp nối đều có kèm vít



HỘP NỐI DÂY



NPA10050V

- Hộp nối dây 100x100x50mm
- Wiring box 100x100x50mm
- Đóng gói 30 cái/thùng

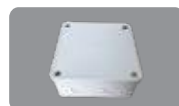
20.000



NPA12050V

- Hộp nối dây 120x120x50mm
- Wiring box 120x120x50mm
- Đóng gói 30 cái/thùng

24.000



NPA15055V

- Hộp nối dây 150x150x55mm
- Wiring box 150x150x55mm
- Đóng gói 20 cái/thùng

35.000



NPA20065V

- Hộp nối dây 200x200x65mm
- Wiring box 200x200x65mm
- Đóng gói 10 cái/thùng

62.000



NPA103V

- Hộp nối dây tròn
- Round junction box
- Đóng gói 60 cái/thùng

10.000

MẶT THIẾT BỊ



NB9601

- Nắp kín đơn
- Wiring box lid - 1 gang
- Đóng gói 20 cái/hộp, 500 cái/thùng

6.000



NB9602

- Nắp kín đôi
- Wiring box lid - 2 gangs
- Đóng gói 10 cái/hộp, 400 cái/thùng

8.000



NA105-N

- Nắp đế âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
- Wiring box - BS Standard
- Đóng gói 500 cái/thùng

3.000



NBD101W

- Mặt dùng cho 1 CB tép
- Plate for 1p MCB
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500

CÔNG TẮC THẺ



NCS7001

- Công tắc thẻ (Có bao gồm thẻ)
- Card Switch - 20A - 250V
- Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng

800.000

PHÍCH CẮM MEIKOSHA



ME2592W

- Phích cắm 3 chấu
- Grounding plug
- 125V - 15A
- Đóng gói 10 cái/hộp

87.000

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

NEW



TB621018A7

Loại điện tử gắn thanh ray/hàng tuần
Cài đặt được ngay lễ
220 - 240VAC, 50-60Hz, 16A
50 chế độ cài giờ (25 bật - 25 tắt) - Thời gian cài tối thiểu 1 phút
Có pin dự trữ 6 năm
50 operations, minimum setting time is 1 min
6 years reserve battery
Hàng không có sẵn - Thời gian đặt hàng: 4 tháng

2.090.000



TB2118E7

Loại điện tử / hàng ngày (24 giờ)
190 - 240VAC, 50-60Hz, 30A
4 chế độ cài giờ (2 bật - 2 tắt) - Thời gian cài tối thiểu 1 phút
Có pin dự trữ 5 năm
4 operations, minimum setting time is 1 MIN
5 years reserve battery

1.320.000



TB178

SPST Type
220 - 240VAC, 50Hz, 15A
6 chế độ cài giờ - thời gian cài tối thiểu 30 phút
Không có pin dự trữ
6 operations, minimum setting time is 30 min
W/o battery

590.000



TB35809NE5

SPST Type
220 - 240VAC, 50Hz, 20A
96 chế độ cài giờ - Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Không có pin dự trữ
96 operations, minimum setting time is 15 min
W/o battery

710.000



Tự động quản lý

Thời gian và điện năng hiệu quả hơn



TB2128E7

Loại điện tử / hàng tuần
190 - 240VAC
50 - 60Hz, 30A
16 chế độ cài giờ (8 bật - 8 tắt)
Thời gian cài tối thiểu 1 phút
Có pin dự trữ 5 năm
16 operations, minimum setting time is 1 min
5 years reserve battery

1.320.000



TB118

SPST Type, 220 - 240VAC, 15A, 6 chế độ cài giờ.
Thời gian cài tối thiểu 30 phút. Có pin dự trữ 300 giờ
6 operations, minimum setting time is 30 min
C/w battery 300 hours

950.000

TB380N2457

Pin dùng cho TB118

190.000



TB38809NE7

SPST Type
220 - 240VAC, 15A
96 chế độ cài giờ
Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Có pin dự trữ 300 giờ
96 operations, minimum setting time is 15 min
C/w battery 300 hours

1.060.000

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP



WK2315K 125V - 15A - 2P+ Ground
WK2320K 250V - 20A - 3P
WK2330 250V - 30A - 2P + Ground
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black

178.000

210.000

620.000



WK2420K 250V - 20A - 3P + Ground
WK2430 250V - 30A - 3P + Ground
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black

325.000

690.000



WK1330
Ổ cắm chuyên dùng
Surface mounting receptacle
250V - 30A - 3P

447.000



WF2315WK 125V - 15A - 2P+ Ground
WF2320WK 250V - 20A - 3P
WF2330B 250V - 30A - 2P + Ground

152.000

192.000

475.000



WF2420BK 250V - 20A - 3P + Ground
WF2430B 250V - 30A - 3P + Ground
WF2420WK 250V - 20A - 3P + Ground

304.000

610.000

304.000



WK6330 250V - 30A - 2P + Ground
WK6430 250V - 20A - 3P + Ground
Ổ cắm locking kín bụi
Weatherproof locking receptacle

922.000

1.100.000



WN1518R
Ổ cắm dẹt có dây nối đất
Grounding flat pin receptacle
125V - 15A

263.000



WN37008
Đại kim loại
Metal - Frame

13.600



WN9513/ WN9514
Mặt nhôm lỗ tròn
Đường kính 35.5/45.5mm
1 gang - 1 device aluminum plate
35.5 dia/45.5 dia

86.000

NEW



WN7601-8 Mặt 1 kim loại
WN7602-8 Mặt 2 kim loại
WN7603-8 Mặt 3 kim loại
Stainless plate

88.000



WN3040K-8
Trạm nối đất
Grounding - terminal

90.000



WF6315 125V - 15A - 2P+ Ground
WF6320 250V - 20A - 3P
WF6330 250V - 30A - 2P + Ground
Phích cắm locking/Locking Plug

109.000

180.000

448.000



WF6420 250V - 20A - 3P + Ground
WF6430 250V - 30A - 3P + Ground
Phích cắm locking/Locking plug

210.000

480.000



WF4330
Phích cắm kín nước
Rubber plug
250V - 30A - 3P

631.000



WNH5611-801
Công tắc thẻ (3 tiếp điểm)
Tablet switch (3 circuits)
250V - 10A

1.725.000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN - TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH - MCB MCB BD - 63:IEC 60898 STANDARDS MCB BD - 125:IEC 60947 - 2 STANDARDS

MCB 01 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	83.000
	BBD1101CNV	10		
	BBD1161CNV	16		
	BBD1201CNV	20		
	BBD1251CNV	25		
	BBD1321CNV	32		
	BBD1401CNV	40		
Đóng gói 48 cái/thùng	BBD1501CNV	50		197.000
	BBD1631CNV	63		
Đóng gói 8 cái/thùng	BBD108011C	80	230VAC 10kA	710.000
	BBD110011C	100		780.000

MCB 02 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BBD2062CNV	06	240VAC 10kA 415VAC 06kA	240.000
	BBD2102CNV	10		
	BBD2162CNV	16		
	BBD2202CNV	20		
	BBD2252CNV	25		
	BBD2322CNV	32		
	BBD2402CNV	40		
Đóng gói 24 cái/thùng	BBD2502CNV	50		397.000
	BBD2632CNV	63		
Đóng gói 4 cái/thùng	BBD208021C	80	400VAC 10kA	1.410.000
	BBD210021C	100		1.550.000

MCB 03 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BBD3063CNV	06	415VAC 06kA	425.000
	BBD3103CNV	10		
	BBD3163CNV	16		
	BBD3203CNV	20		
	BBD3253CNV	25		
	BBD3323CNV	32		
	BBD3403CNV	40		
Đóng gói 16 cái/thùng	BBD3503CNV	50		635.000
	BBD3633CNV	63		
Đóng gói 2 cái/thùng	BBD308031C	80	400VAC 10kA	1.880.000
	BBD310031C	100		1.980.000

MCB 04 P C Curve	Mã số Code	I_n (A)	I_{cu} (kA)	Đơn giá Price (VND)
	BBD4064CA	06	415VAC 06kA	600.000
	BBD4104CA	10		
	BBD4164CA	16		
	BBD4204CA	20		
	BBD4254CA	25		
	BBD4324CA	32		
	BBD4404CA	40		
Đóng gói 12 cái/thùng	BBD4504CA	50		895.000
	BBD4634CA	63		
Đóng gói 2 cái/thùng	BBD408041C	80	400VAC 10kA	2.910.000
	BBD410041C	100		3.110.000

RESIDUAL CIRCUIT BREAKER OVERCURRENT RCBO BẢO VỆ CHỐNG DÒNG RÒ & QUÁ TẢI / 02 P - C CURVE.RCBO BDE-40, 63:IEC 61009 STANDARDS

	Mã số Code	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA) 240VAC	Đơn giá Price (VND)
	BBDE20631CNV	06	30	06	570.000
	BBDE21631CNV	16			
	BBDE22031CNV	20			
	BBDE22531CNV	25	30	06	610.000
	BBDE23231CNV	32			
	BBDE24031CNV	40			
	BBDE25031CNV	50	30	06	865.000
	BBDE26331CNV	63			

Đóng gói
24 cái/thùng

*Ngắt điện nhanh, độ bền cao,
an toàn cho thiết bị và người sử dụng*



CẦU DAO TỰ ĐỘNG - KIỂU DIN

Ngắt điện nhanh hơn giúp
hệ thống điện an toàn hơn và
phòng ngừa hỏa hoạn.

Dòng điện chạy qua tiếp điểm
ổn định hơn giúp giảm hao mòn
tiếp điểm, tăng tuổi thọ cầu dao
và thiết bị sử dụng điện.

Ba trạng thái nhận biết cầu dao
ở chế độ Đóng điện/ Tắt điện/
Ngắn mạch.

CẦU DAO ĐÓNG NGẮT MẠCH ĐIỆN TỰ ĐỘNG BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH - Molded Case Circuit Breaker - MCCB IEC 60947-2 Standards

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kỹ thuật Specifications			Đơn giá Price (VNĐ)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA)		
			200 VAC	415 VAC	
MCCB 02 P - GD Series					
	BBW240SKY	40	10	2.5	880.000
	BBW250SKY	50			
DIN rail mounting (Gắn trên thanh ray)					
	BBW260Y	60	5	2.5	940.000
	BBW275SKY	75	50	25	1.720.000
	BBW2100SKY	100			
MCCB 03 P - GD Series					
	BBW310Y	10	2.5	1.5	690.000
	BBW315Y	15			
	BBW320Y	20			
	BBW330Y	30			
	BBW340SKY	40	10	2.5	1.120.000
	BBW350SKY	50			
	BBW360SKY	60			
DIN rail mounting					
	BBW375SKY	75	50	25	2.200.000
	BBW3100SKY	100			
	BBW3125SKY	125	50	25	2.870.000
	BBW3150SKY	150			3.000.000
MCCB 03 P - GD Series					
	BBW3175KY	175	50	25	3.950.000
	BBW3200KY	200			
	BBW3225KY	225			
	BBW3250KY	250	50	25	6.300.000
	BBW3400KY	400	50	25	8.600.000

BỘ NGẮT MẠCH AN TOÀN HB-02P & ELB BẢO VỆ DÒNG RÒ-02P Safety Breaker & Earth Leakage Breaker JIS Standards

Hình ảnh Images	Diễn giải Descriptions			Đơn giá Price (VNĐ)
	Mã số Code	I _n (A)	I _{cu} (kA) 240VAC	
 Đồng gói 50 cái/ thùng	BS11106TV	6	1	80.000
	BS1110TV	10	1.5	
	BS1111TV	15	1.5	
	BS1112TV	20	1.5	
	BS1113TV	30	1.5	
	BS1114TV	40	1.5	
	I _n (A)	I _{Δn} (mA)	I _{cu} (kA) 240VAC	340.000
	30	15 30	1.5	
	BJS3020NA2	ELB không bảo vệ quá tải		
	BJS3030NA2	ELB W/o O.C protected		
	I _n (A)	I _{Δn} (mA)	I _{cu} (kA) 240VAC	720.000
	30	30	2.5	
	BJJ23030-8	ELB không bảo vệ quá tải ELB W/o O.C protected		
	I _n (A)	I _{Δn} (mA)	I _{cu} (kA) 240VAC	845.000
	30	15 30	1.5	
	BJJ23022-8	ELB có bảo vệ quá tải		
	BJJ23032-8	ELB with O.C protected		
	I _n (A)	I _{Δn} (mA)	I _{cu} (kA) 240VAC	1.550.000
	50	30	2.5	
	BKW2503Y	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		
	I _n (A)	I _{Δn} (mA)	I _{cu} (kA) 240VAC	2.300.000
	60	30	10	
	BKW2603SKY	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		
	I _n (A)	I _{Δn} (mA)	I _{cu} (kA) 240VAC	3.200.000
	100	30	25	
	BKW21003KY	ELB có bảo vệ quá tải ELB with O.C protected		

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Không dùng ống dẫn

Không dùng với ống dẫn

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20CUT1	22.6	438	40.5	27	27	845.000

Loại 1 chiều - Có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-15AUL (*)	12.5	255	36	16	20	980.000
FV-20AL9	22	546	40	34	25	1.000.000
FV-25AL9	29	835	43	52	30	1.105.000
FV-30AL7	29	935	43	58	35	2.220.000

(*) Dự kiến có hàng từ tháng 12/2018

Loại 2 chiều - Có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20RL7	20	546	39	34	25	1.600.000
FV-25RL7	29	876	41	54	30	1.960.000
FV-30RL6	31	990	44	61	35	2.300.000

QUẠT HÚT THEO NHU CẦU

Sử dụng riêng cho phòng tắm

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ (cm)	
FV-10BAT1	15	85	40	16x21	1.980.000

Sử dụng cho nhà tắm, có màn chắn côn trùng

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-10EGS1	5.5	75	35	12	770.000
FV-15EGS1	6.2	150	36	16.5	930.000

Sử dụng cho nhà tắm, có nắp che mưa và màn chắn côn trùng

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-10EGK	5.5	75	33	13.5	835.000
FV-15EGK	6.2	160	34	18	1.065.000

Sử dụng cho nhà bếp

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-25AUF1	34	835	42	30	1.510.000

- Nắp dạng lưới bằng nhôm không dính nước (Dầu sẽ đọng lại thành từng hạt và rơi vào khay chứa dầu)
- Dễ lau sạch bụi bẩn, bảo trì dễ dàng và có khay trữ dầu thể tích lớn
- Có kim chỉ mức dầu

(*) Tham khảo thêm các loại **Quạt hút mùi** (trang 16), **Máy lọc không khí** (trang 37)

Ốp vách kính

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	D (cm)	
FV-15WU4	8	210	35	18	940.000
FV-20WU4	16	360	32	24	1.210.000

- Đường kính lỗ kính 17.7cm / 23.8 cm

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG

Loại 1 chiều - Không có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-15AST	15	288	31	18	17.5	860.000

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20AU9	22	580	38	36	25	800.000
FV-25AU9	29	920	39	57	30	905.000
FV-30AU9	29	1,200	39	74	35	1.470.000

Loại 2 chiều - Không có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)	
FV-20RG7	20	580	36	36	25	1.460.000
FV-25RG7	29	945	38	58	30	1.670.000
FV-30RG7	31	1,165	39	72	35	2.020.000

QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP Industrial Ventilating Fans

Mã số	W	CMH	dB	D (cm)	
Động cơ 01 pha - Có thanh chắn					
FV-40KUT	61	2,060	49	43.5 x 43.5	3.390.000

Dòng sản phẩm chịu áp lực cao

FV-25GS4	39	1,150	34	27.5	4.450.000
FV-30GS4	59	1,820	38	32.5	6.150.000
FV-35GS4	88	2,560	44	39.5	7.550.000
FV-40GS4	161	3,610	47	44.5	9.600.000
FV-45GS4	227	5,200	51	50	15.700.000

Made in Japan

(*) Tham khảo thêm dòng **Quạt hút Cabinet** (trang 16) độ ồn thấp, sử dụng cho văn phòng.

MÁY SƯỞI DÙNG CHO PHÒNG TẮM

Chức năng thông gió và sưởi ấm

FV-27BV1				5.990.000
- Kích thước lắp đặt 270x 270mm - Kích thước ống dẫn Ø100mm				
	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	
Sưởi ấm	1,130	130	46	
Thông gió	21	150	42	

MỚI

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG

FV-15AUL

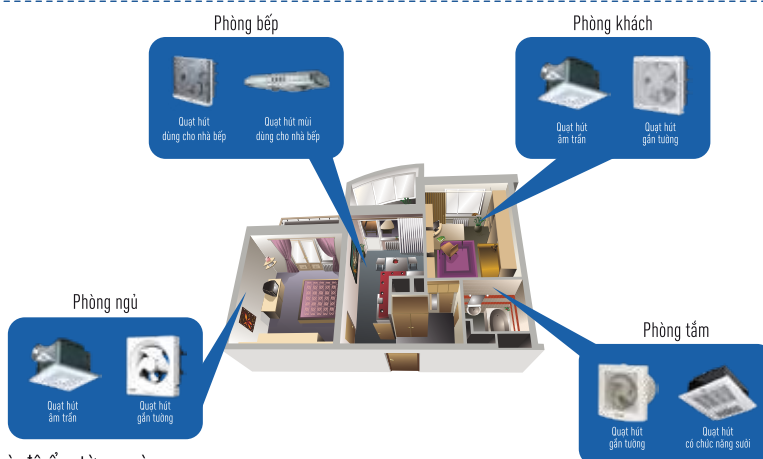
(*) Dự kiến có hàng từ tháng 12/2018

Lợi ích của việc sử dụng quạt hút:

- Duy trì dưỡng khí trong lành
- Khử mùi (mùi vật nuôi, mùi khói thuốc,...)
- Loại bỏ bụi bẩn, ẩm mốc và nguồn không khí ô nhiễm

Quạt hút Panasonic lựa chọn tối ưu cho phòng ngủ vì:

- Vận hành êm ái, độ ồn thấp: 26 dB
- Động cơ DC tiết kiệm điện lên tới 35%
- Động cơ bạc đạn, tuổi thọ lên đến 60.000 giờ
- Thiết kế cánh quạt khí động học giúp giảm thiểu độ ồn
- 3 cấp độ lưu lượng gió phù hợp với yêu cầu thông thoáng khí và độ ẩm từng mùa



QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Quạt êm, hiệu năng cao

Sử dụng cho phòng ngủ, phòng khách, văn phòng

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước cửa lỗ vuông (cm)
-------	------------------	------------------------	---------------	---------------------------	---------------------------------

Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ

FV - 17CU7	11	85	26	5	17	2.305.000
FV - 24CU7	14	140	28	9	24	2.860.000
FV - 24CD7	17	170	31	11	24	2.950.000
FV - 24CH7	20	200	35	12	24	3.095.000

Dùng với ống dẫn Ø150mm - 2 cấp tốc độ

FV - 27CH9	23 (Low)	260 (Low)	30	20	27	4.550.000
	28 (Hi)	330 (Hi)	34			
FV - 32CD9	32 (Low)	300 (Low)	28	27	32	6.100.000
	42 (Hi)	430 (Hi)	36			
FV - 32CH9	45 (Low)	400 (Low)	34	33	32	6.650.000
	55 (Hi)	530 (Hi)	41			
FV - 38CD8	66 (Low)	430 (Low)	35	40	38.5	8.300.000
	90 (Hi)	640 (Hi)	44			
FV - 38CH8	89 (Low)	525 (Low)	40	49	38.5	9.000.000
	122 (Hi)	800 (Hi)	50			

Động cơ DC, tiết kiệm điện, dùng với ống dẫn Ø100mm

FV - 24JR2	3.6	80	20	10	24	5.000.000
	5.2	120	26			
FV - 24JA2	8	160	31			4.350.000

Riêng FV - 24JR2 có sensor cảm ứng hồng ngoại hỗ trợ



Động cơ DC

THOÁNG KHÔNG GIAN, TRẦN SỨC SỐNG

VẬN HÀNH ÊM ÁI
HIỆU NĂNG CAO
DỄ DÀNG LẮP ĐẶT
VÀ BẢO TRÌ

ĐỘNG CƠ BẠC ĐẠN
TUỔI THỌ LÊN TỚI
60.000 GIỜ

QUẠT HÚT CABINET - Độ ồn thấp

Sử dụng cho văn phòng, phòng họp, căn hộ cao cấp

Mã số	Cấp độ	W	CMH	dB	S (m²)	D (cm)	
FV - 12NS3	Hi	18	180	21	11	Ø100	2.950.000
	Low	17	145	17			
FV - 15NS3	Hi	33	340	25	21	Ø150	3.900.000
	Low	29.5	275	22			
FV - 18NS3	Hi	60	500	29	31	Ø150	4.650.000
	Low	55	405	27			
FV - 18NF3	Hi	91	770	31	48	Ø200	5.650.000
	Low	80	620	29			
FV - 20NS3	Hi	120	920	32	57	Ø200	6.990.000
	Low	113	720	29			
FV - 23NL3	Hi	230	1200	40	74	Ø200	8.550.000
	Low	170	900	34			
FV - 25NS3	Hi	345	1700	41	105	Ø250	11.300.000
	Low	265	1380	38			
FV - 25NF3	Hi	390	1900	43	117	Ø250	12.990.000
	Low	325	1600	40			



Tạo luồng gió lớn
(Đối diện với động cơ)

Đường dẫn lưu lượng lớn

Áp suất tĩnh cao
(Phía động cơ)

Kích thước cánh lớn

Mạnh mẽ với luồng gió kép

Thiết kế đặc biệt với luồng gió kép bên trong giúp tạo ra lượng không khí lớn và áp suất tĩnh cao.

Thiết kế đặc trưng hình nón, xiên

Vận tốc gió thổi ra thay đổi theo hình dạng của vỏ quạt, với thiết kế mới giúp giảm thiểu sự lưu thông không đều của không khí bên trong quạt, trang bị thêm vật liệu hấp thụ âm thanh làm giảm tiếng ồn trong lúc vận hành.

Nhỏ gọn, dễ lắp đặt và kiểm tra

Thiết kế nhỏ gọn thích hợp lắp đặt ở nơi có không gian trần hẹp. Hộp kết nối dây được trang bị vỏ bọc kim loại tăng độ bền và an toàn và giúp dễ dàng trong việc tháo lắp, kiểm tra sản phẩm.

Nắp kim loại

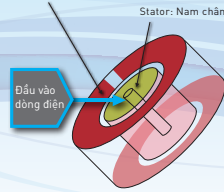
Hộp kết nối dây được đặt ở cuối

Động cơ điện một chiều

Động cơ điện một chiều (DC) là công nghệ mới, được Tập đoàn Panasonic ứng dụng vào việc sản xuất quạt trần. Với động cơ 1 chiều (DC) giúp mức tiêu thụ điện thấp hơn so với động cơ xoay chiều (AC). Động cơ 1 chiều cũng có trọng lượng nhẹ hơn so với động cơ xoay chiều (AC)

Động cơ điện một chiều (DC)

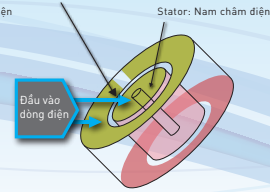
Rotor: Nam châm vĩnh cửu



Chỉ cần đấu vào dòng điện cho Stator

Động cơ điện xoay chiều (AC)

Rotor: Nam châm điện

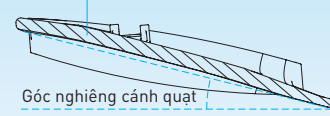


Cần đấu vào dòng điện cho cả Rotor và Stator

Thiết kế cánh quạt 3D

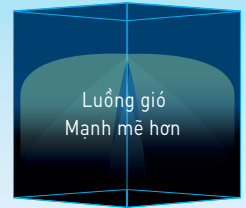
Thiết kế cánh quạt 3D độc đáo và duy nhất giúp mang lại luồng gió êm ái và mạnh mẽ, tuy vậy vẫn giảm thiểu tối đa tiếng ồn.

Đường cong cánh quạt

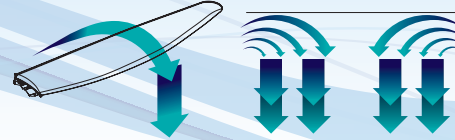


Góc nghiêng cánh quạt

Thiết kế đường cong 3D ở tâm cánh quạt giúp đón gió hiệu quả.



Luồng gió Mạnh mẽ hơn



⚠ Cảnh báo: Dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch

Ảnh sáng trắng

Ảnh sáng ban ngày

Ảnh sáng vàng

Ảnh sáng vàng dịu

Đường kính cánh 150cm

Chiều dài ti 30cm

Đèn LED có 4 chế độ sáng

F - 60UFN

- Công suất 59W (motor: 37W, đèn: 22W)
- Động cơ DC tiết kiệm điện
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 cấp độ màu sắc ánh sáng
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LED

11.990.000

Ảnh sáng trắng

Ảnh sáng ban ngày

Ảnh sáng vàng

Ảnh sáng vàng dịu

Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 30cm

F-60TAN

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi - điều chỉnh lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LED

8.990.000

Ảnh sáng trắng

Ảnh sáng ban ngày

Ảnh sáng vàng

Ảnh sáng vàng dịu

Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 30cm

F - 60XDN

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LED

7.690.000



F-60TDN

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ Tắt (1 - 8 giờ)/8 chế độ hẹn giờ Mở (1 - 8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LED

6.650.000



F - 60WWK

- Công suất 76W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ
- 7 cấp độ gió, lưu lượng gió 220m³/phút
- 8 chế độ hẹn giờ (1-8 giờ)
- Điều khiển từ xa với màn hình LED

6.650.000



F - 56XP6

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Lưu lượng gió 191m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.450.000

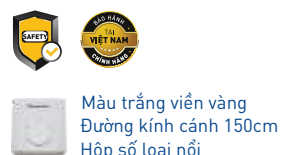


F - 56MPG - GO (Màu vàng ánh kim)

F - 56MPG - S (Màu bạc)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Lưu lượng gió 182m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.110.000



F - 60MZZ (Chiều dài ti: 50cm)

F - 60MZZ - S (Chiều dài ti: 30cm)

F - 60MZZ - L (Chiều dài ti: 65cm)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, công suất 66W
- Lưu lượng gió 215m³/phút
- Cánh quạt được gia cố thêm lúc vận hành

1.450.000



F - 56MZZG - GO (Màu vàng ánh kim)

F - 56MZZG - S (Màu bạc)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Lưu lượng gió 182m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.110.000

LED DOWNLIGHT GLOBAL SERIES

Downlight LED tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ



Công suất 5W - 220V, Ø95mm/H68mm
NNP71249 - 400lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP71259 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K

240.000



Công suất 8W - 220V, Ø95mm/H68mm
NNP72249 - 640lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP72259 - 720lm - Ánh sáng trắng 6500K

276.000

Công suất 12W - 220V, Ø125mm/H78mm
NNP73349 - 960lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP73359 - 1080lm - Ánh sáng trắng 6500K

376.000

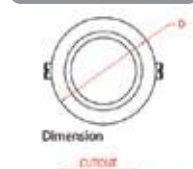
LED DOWNLIGHT PANEL TRÒN

Downlight Panel tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ



Công suất 6W-220V, Ø105mm/H21mm
NNP712563 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP712663 - 360lm - Ánh sáng trắng 6500K

245.000



Công suất 8W-220V, Ø105mm/H21mm
NNP722563 - 500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP722663 - 500lm - Ánh sáng trắng 6500K

280.000



Công suất 12W-220V, Ø155mm/H21mm
NNP735563 - 850lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP735663 - 850lm - Ánh sáng trắng 6500K

379.000

Công suất 15W-220V, Ø170mm/H21mm
NNP745563 - 1080lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP745663 - 1080lm - Ánh sáng trắng 6500K

479.000

LED DOWNLIGHT ONE-CORE - Sử dụng công nghệ 1 lõi LED đặc biệt, sản xuất tại Indonesia, 40,000 giờ



Downlight thường góc chiếu 100° - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, Ø100/ H80mm
HH-LD40501K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD20501K19 - 393lm - Ánh sáng trắng 6500K

635.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/ H80mm
HH-LD40701K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD20701K19 - 622lm - Ánh sáng trắng 6500K

825.000



Downlight LED vuông - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, L100xW100xH80mm
HH-LD40507K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD20507K19 - 364lm - Ánh sáng trắng 6500K

960.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/ H80mm
HH-LD40707K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD20707K19 - 585lm - Ánh sáng trắng 6500K

1.180.000



Downlight LED góc chiếu hẹp 24° - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, Ø100/ H80mm
HH-LD70501K19 - 310lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD50501K19 - 325lm - Ánh sáng trắng 6500K

880.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/ H80mm
HH-LD70701K19 - 510lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD50701K19 - 540lm - Ánh sáng trắng 6500K

1.100.000



Downlight LED chống ẩm - IP43 - CRI: Ra80

Công suất 5.5W - 220V, Ø100/ H80mm
HH-LD40508K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD20508K19 - 364lm - Ánh sáng trắng 6500K

880.000

Công suất 8.6W - 220V, Ø100/ H80mm
HH-LD40708K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD20708K19 - 585lm - Ánh sáng trắng 6500K

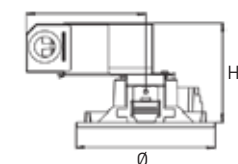
1.100.000



Downlight công suất lớn - CRI: Ra80

Công suất lớn 15W, Ø150/ H80mm
HH-LD4090119 - 1040lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD2090119 - 1090lm - Ánh sáng trắng 6500K

1.400.000



Downlight thường, chống ẩm, vuông



Downlight công suất lớn



DOWNLIGHT LED ĐIỀU CHỈNH GÓC CHIẾU - Sản xuất tại Indonesia



Góc chiếu 24° - Tuổi thọ 30,000 giờ
 Công suất 7W - 220V, Ø75/H32mm
NNP21101
 465lm - Ánh sáng vàng 2700K

640.000



Góc chiếu 24° - Tuổi thọ 30,000 giờ
 Công suất 7W - 220V, Ø75/H32mm
NNP21102
 465lm - Ánh sáng trắng 6500K

640.000

LED DOWNLIGHT

Đèn LED Downlight - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25.000 giờ

Công suất 5W - 220V

Kích thước: Ø68mm/H: 57.5mm

NDL056 - 460lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 40 cái/thùng

130.000

Công suất 5W - 220V

Kích thước: Ø90mm/H: 57.5mm

NDL0539 - 430lm - Ánh sáng vàng 3000K**NDL0549** - 460lm - Ánh sáng trung tính 4000K**NDL0569** - 460lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 40 cái/thùng

220.000

Công suất 8W - 220V

Kích thước: Ø90mm/H: 58.6mm

NDL083 - 730lm - Ánh sáng vàng 3000K**NDL084** - 780lm - Ánh sáng trung tính 4000K**NDL086** - 780lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 40 cái/thùng

233.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng đổi màu

CRI: Ra80 - Góc chiếu: 110° - Tuổi thọ 25,000 giờ

NSD06C1**Công suất 6W - 240V**

Kích thước: Ø120mm/H: 10mm

Kích thước khoét lỗ: Ø110mm

Quang thông: 420lm - 462lm

Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K

(*) Dự kiến có hàng từ tháng 11/2018

185.000

NSD09C1**Công suất 9W - 240V**

Kích thước: Ø145mm/H: 10mm

Kích thước khoét lỗ: Ø130mm

Quang thông: 630lm - 693lm

Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K

(*) Dự kiến có hàng từ tháng 11/2018

270.000

NSD12C1**Công suất 9W - 240V**

Kích thước: Ø174mm/H: 10mm

Kích thước khoét lỗ: Ø155mm

Quang thông: 840lm - 824lm

Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K

(*) Dự kiến có hàng từ tháng 11/2018

320.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng đổi màu

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25.000 giờ

NSD09C**Công suất 9W - 220V**

Kích thước: Ø135mm/H: 30mm

540lm - 640lm

Đổi màu ánh sáng 3000K - 4000K - 6000K

Đóng gói: 40 cái/thùng

270.000

NSD12C**Công suất 12W - 220V**

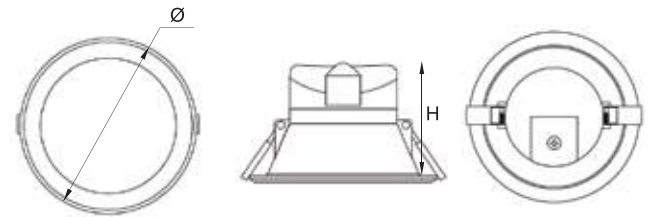
Kích thước: Ø160mm/H: 30mm

720lm - 840lm

Đổi màu ánh sáng 3000K - 4000K - 6000K

Đóng gói: 40 cái/thùng

320.000

**Công suất 12W - 220V**

Kích thước: Ø120mm/H: 65.8mm

NDL123 - 1120lm - Ánh sáng vàng 3000K**NDL124** - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000K**NDL126** - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 40 cái/thùng

334.000

Công suất 14W - 220V

Kích thước: Ø120mm/H: 65.8mm

NDL143 - 1300lm - Ánh sáng vàng 3000K**NDL144** - 1400lm - Ánh sáng trung tính 4000K**NDL146** - 1400lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 40 cái/thùng

350.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng

CRI: Ra80 - Góc chiếu: 110° - Tuổi thọ 25,000 giờ

Công suất 6W - 220V

Kích thước: Ø110mm/H: 22mm

NSD0631 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K**NSD0641** - 400lm - Ánh sáng trung tính 4000K**NSD0661** - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 36 cái/thùng

164.000

Công suất 9W - 220V

Kích thước: Ø135mm/H: 22mm

NSD0931 - 600lm - Ánh sáng vàng 3000K**NSD0941** - 620lm - Ánh sáng trung tính 4000K**NSD0961** - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 30 cái/thùng

198.000

Công suất 12W - 220V

Kích thước: Ø160mm/H: 22mm

NSD1231 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K**NSD1241** - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K**NSD1261** - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 24 cái/thùng

240.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25,000 giờ

Công suất 6W - 220V

Kích thước: Ø110mm/H: 30mm

NSD063 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K**NSD064** - 400lm - Ánh sáng trung tính 4000K**NSD066** - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 36 cái/thùng

164.000

Công suất 9W - 220V

Kích thước: Ø135mm/H: 30mm

NSD093 - 600lm - Ánh sáng vàng 3000K**NSD094** - 620lm - Ánh sáng trung tính 4000K**NSD096** - 640lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 30 cái/thùng

198.000

Công suất 12W - 220V

Kích thước: Ø160mm/H: 30mm

NSD123 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K**NSD124** - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K**NSD126** - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 24 cái/thùng

240.000



ĐÈN PHA LED FLOOD LIGHT - IP65

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25,000 giờ



Công suất 10W - 220V

Kích thước: W117xH138xL27mm/ Trọng lượng: 0.2kg

NLF1103 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLF1104 - 800lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLF1106 - 800lm - Ánh sáng trắng 6000K

Đóng gói: 12 cái/thùng

220.000

Công suất 20W - 220V

Kích thước: W134xH159xL27mm/ Trọng lượng: 0.2kg

NLF1203 - 1600lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLF1204 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLF1206 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6000K

Đóng gói: 12 cái/thùng

300.000

Công suất 30W - 220V

Kích thước: W167xH220xL36mm/ Trọng lượng: 0.3kg

NLF1303 - 2400lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLF1304 - 2400lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLF1306 - 2400lm - Ánh sáng trắng 6000K

Đóng gói: 12 cái/thùng

440.000

Công suất 50W - 220V

Kích thước: W222xH301xL38mm/ Trọng lượng: 0.35kg

NLF1503 - 4000lm - Ánh sáng vàng 3000K

NLF1504 - 4000lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NLF1506 - 4000lm - Ánh sáng trắng 6000K

Đóng gói: 6 cái/thùng

670.000



ĐÈN LED PANEL ỒP TRẦN NỔI



CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°

Tuổi thọ 25,000 giờ

Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

Công suất: 6W - 220V

Kích thước: Ø120mm/H: 38mm

NPL063R - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL064R - 400lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL066R - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 40 cái/thùng

248.000

CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°

Tuổi thọ 25,000 giờ

Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

Công suất: 12W - 220V

Kích thước: Ø170mm/H: 38mm

NPL123R - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL124R - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL126R - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

350.000



CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°

Tuổi thọ 25,000 giờ

Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

Công suất: 18W - 220V

Kích thước: Ø225mm/H: 38mm

NPL183R - 1170lm - Ánh sáng vàng 3000K

NPL184R - 1250lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL186R - 1300lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 20 cái/thùng

465.000

CRI: Ra70 - Góc chiếu 120°

Tuổi thọ 25,000 giờ

Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

Công suất: 24W - 220V

Kích thước: Ø300mm/H: 38mm

NPL243R - 1500lm - Ánh sáng vàng 3000K

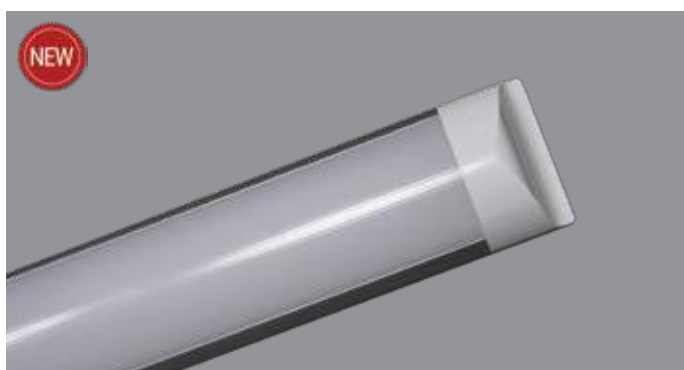
NPL244R - 1550lm - Ánh sáng trung tính 4000K

NPL246R - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng

640.000

ĐÈN BÁN NGUYỆT - Tuổi thọ 30,000 giờ



Công suất 18W - 265V - CRI: Ra80

Chất liệu: Nhựa trắng, viền nhôm

Kích thước: W600xH75xL27mm

NSH183 - 1600lm/ Ánh sáng vàng 3000K

NSH184 - 1600lm/ Ánh sáng trung tính 4000K

NSH186 - 1600lm/ Ánh sáng trắng 6500K

(*) Dự kiến có hàng từ tháng 11/2018

249.000

Công suất 36W - 265V - CRI: Ra80

Chất liệu: Nhựa trắng, viền nhôm

Kích thước: W1200xH75xL27mm

NSH363 - 3000lm/ Ánh sáng vàng 3000K

NSH364 - 3000lm/ Ánh sáng trung tính 4000K

NSH366 - 3000lm/ Ánh sáng trắng 6500K

(*) Dự kiến có hàng từ tháng 11/2018

425.000

ĐÈN BÓNG LED BULB TRỤ E27



CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ
Chất liệu: Chóa và thân đèn nhựa
Công suất: 20W - 220V
Kích thước: Ø70mm/H123mm

NLB203 - 1600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB204 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB206 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng

140.000



CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ
Chất liệu: Chóa và thân đèn nhựa
Công suất: 30W - 220V
Kích thước: Ø80mm/H141mm

NLB303 - 2400lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB304 - 2400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB306 - 2400lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng

186.000

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ
Chất liệu: Chóa và thân đèn nhựa
Công suất: 50W - 220V
Kích thước: Ø118mm/H194mm

NLB503 - 4000lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB504 - 4000lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB506 - 4000lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 12 cái/thùng

360.000

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ
Chất liệu: Chóa và thân đèn nhựa
Công suất: 40W - 220V
Kích thước: Ø100mm/H168mm

NLB403 - 3200lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB404 - 3200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB406 - 3200lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 12 cái/thùng

260.000

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ
Chất liệu: Chóa và thân đèn nhựa
Công suất: 60W - 220V
Kích thước: Ø138/H222mm

NLB603 - 4800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB604 - 4800lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB606 - 4800lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 6 cái/thùng

450.000

ĐÈN LED DÂY



- Điện áp đầu vào: 220V-230V
- Số lượng chip: 120 chip LED/m
- Kích thước: 18x8mm
- Trọng lượng: 9kg
- Chiều dài cuộn: 50m
- Độ bảo vệ: IP65
- Chất liệu: PVC Anti-UV
- Tuổi thọ: 30,000 giờ
- Kèm 1 bộ phụ kiện

Công suất 8W/m, 600lm/m

- **NST1202** - Ánh sáng vàng 2700K
- **NST1206** - Ánh sáng trắng 6500K

4.000.000

Công suất 9W/m

- **NST120R** - Ánh sáng màu đỏ
- **NST120G** - Ánh sáng màu xanh lục
- **NST120B** - Ánh sáng màu xanh dương

4.300.000

PHỤ KIỆN DÙNG CHO LED DÂY



NST-E
Nút bật

1.600



NST-P
Chân cắm nối nguồn

1.600



NST-MC
Khớp nối giữa

11.000



NST-C
Nẹp gắn tường

1.600



NST-PC
Driver nguồn (Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bật)

65.000

ĐÈN LED T8 - Tuổi thọ 15,000 giờ



Công suất 9W - 220V

NT8T093 - 800lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng vàng 3000K

NT8T096 - 800lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng trắng 6500K

- Chất liệu: Thủy tinh có bọc nhựa

- Đóng gói: 25 cái/thùng

99.000



Công suất 9W - 220V

NT8T0931 - 900lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng vàng 3000K

NT8T0961 - 900lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng trắng 6500K

- Chất liệu: Thủy tinh có bọc nhựa

- Đóng gói: 25 cái/thùng

99.000



Công suất 22W - 220V

NT8T223 - 2200lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K

NT8T226 - 2200lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K

- Chất liệu: Thủy tinh có bọc nhựa

- Đóng gói: 25 cái/thùng

165.000



Công suất 18W - 220V

NT8T183 - 1600lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K

NT8T186 - 1600lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K

- Chất liệu: Thủy tinh có bọc nhựa

- Đóng gói: 25 cái/thùng

143.000



Công suất 18W - 220V

NT8T1831 - 1800lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K

NT8T1861 - 1800lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K

- Chất liệu: Thủy tinh có bọc nhựa

- Đóng gói: 25 cái/thùng

143.000



(*) Không bao gồm bóng

MẮNG ĐÈN LED T8



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đơn

Dùng cho bóng LED T8 9W - 220V

NT8F09

- Dài 0.6m

- Kích thước thân máng: W33xH15mm

- Đóng gói: 40 cái/thùng

49.000



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đơn

Dùng cho bóng LED T8 18W - 220V

NT8F18

- Dài 1.2m

- Kích thước thân máng: W33xH15mm

- Đóng gói: 40 cái/thùng

64.000



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đôi

Dùng cho 2 bóng LED T8 18W - 220V

NT8F218

- Dài 1.2m

- Kích thước thân máng: W33xH15mm

- Đóng gói: 30 cái/thùng

74.000



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đơn

Dùng cho bóng LED T8 9W - 220V

NT8F109N

- Dài 0.6m

- Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm

- Đóng gói: 25 cái/thùng

52.000



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đơn

Dùng cho bóng LED T8 18W - 220V

NT8F118N

- Dài 1.2m

- Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm

- Đóng gói: 25 cái/thùng

68.000



Máng siêu mỏng LED Tube T8 loại đôi

Dùng cho bóng LED T8 18W - 220V

NT8F218N

- Dài 1.2m

- Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm

- Đóng gói: 25 cái/thùng

79.000

BỘ MẮNG ĐÈN LED T8



Bộ máng đèn LED Tube T8 loại đơn 9W - 220V

NT8F109N3

- Dài 0.6m

- 1 bóng tuýp T8 9W 900lm - Ánh sáng vàng 3000K

NT8F109N6

- Dài 0.6m

- 1 bóng tuýp T8 9W 900lm - Ánh sáng trắng 6500K

158.000



Bộ máng đèn LED Tube T8 loại đơn 18W - 220V

NT8F118N3

- Dài 1.2m

- 1 bóng tuýp T8 18W 1800lm - Ánh sáng vàng 3000K

NT8F118N6

- Dài 1.2m

- 1 bóng tuýp T8 18W 1800lm - Ánh sáng trắng 6500K

223.000

MẮNG ĐÈN KÍN NƯỚC LED - IP65



Sử dụng bóng LED Tube T8

N2186WP

- 1800lm - Ánh sáng trắng

- Loại 2 bóng 1.2m (2 x 18W)

- Kích thước: W1270xH155 xL102mm

- Đóng gói 1 cái/ hộp, 4 cái/ thùng

938.000



F28T5-V (Ánh sáng vàng 2700K)

- Công suất 28W/ 220-240V

- Đường kính 16mm/Dài 1163mm

49.000

F14T5-T (Ánh sáng trắng 6500K)

- Công suất 14W/ 220-240V

- Đường kính 16mm/Dài 563mm

36.000

MẮNG ĐÈN BATTEN



Máng đèn Batten đơn 1.2m

NLA41M

- Kích thước 1227 x 55 x 80mm

- Đóng gói 8 cái/thùng

195.000



Máng đèn Batten đôi 1.2m

NLA42M

- Kích thước: 1227 x 100 x 85mm

- Đóng gói 8 cái/thùng

295.000

ĐÈN TRẦN LED CỖ LỚN



Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-LAZ502288

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 79W/0.37A/AC220-240V
- Kích thước: Ø800mm/H160mm - Trọng lượng: 6.5kg
- Quang thông: 5000lm - 63.3lm/W - CRI: Ra85
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại bạc
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách

19.320.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-LAZ504988

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 68W/0.31A/AC220-240V
- Kích thước: L900xW734xH104mm - Trọng lượng: 8.6kg
- Quang thông: 5000lm - 73.5lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách

15.850.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-LAZ502088

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 66W/0.3A/AC220-240V
- Kích thước: L740xW740xH163mm - Trọng lượng: 5.6kg
- Quang thông: 4700lm - 71.2lm/W - CRI: Ra85
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền bạc
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách

12.950.000



Neutral Light 4600K

Warm White 2700K

HH-LMZ100988

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất: 61W (36W đèn + 25W quạt)/AC220-240V
- Kích thước: Ø594xH158mm - Trọng lượng: 4.3kg
- Quang thông: 2600lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 2700K - 4600K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ

(*) Dự kiến có hàng từ tháng 11/2018

15.740.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-LAZ5008K88 (tắt an toàn)

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 59W/0.22A/AC220-240V
- Kích thước: Ø766mm/H160mm - Trọng lượng: 5.2kg
- Quang thông: 4700lm - 80.6lm/W - CRI: Ra85
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền bạc trang trí thủy tinh
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách

5.990.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-LAZ303488

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất 49W/0.23A/AC220-240V
- Kích thước: Ø620mm/H138mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 3800lm - 77.6lm/W - CRI: Ra85
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Bảo thức bằng ánh sáng và chuông reo
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ

9.980.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LAZ317588

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất 48W/0.23A/AC220-240V
- Kích thước: L820xW820xH97mm - Trọng lượng: 7.7kg
- Quang thông: 3800lm - 79lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 2700K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại bạc, viền nhựa trong
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách

11.570.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-LAZ317988

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất 48W/0.23A/AC220-240V
- Kích thước: L600xW600xH129mm - Trọng lượng: 5.36kg
- Quang thông: 2500lm - 52lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền nhựa vân hình cánh hoa
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách

10.990.000



Cool Daylight 6500K

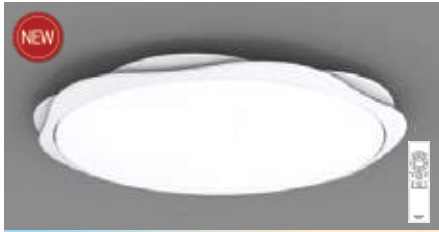
Warm White 3000K

HH-LAZ307388

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất 46W/0.22A/AC220-240V
- Kích thước: Ø580mm/H123mm - Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 3500lm - 82.6lm/W - CRI: Ra85
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, c hóa trang trí lõm màu xanh dương
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách

7.350.000

ĐÈN TRẦN LED CỖ LỚN



Cool Daylight 6500K Warm White 3000K

HH-XZ550088 & HKC306988

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất 55W/AC220-240V
- Kích thước: Ø680mm/H112mm - Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 3800lm - 83lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kép trắng
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ

(*) Dự kiến có hàng từ tháng 11/2018

7.900.000



Cool Daylight 6500K Warm White 3000K

HH-LAZ307488

7.350.000

- Công suất 46W/0.22A/AC220-240V
- Kích thước: Ø640mm/H123mm - Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 3500lm - 82.6lm/W - CRI: Ra85
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)

HH-XZ550088 & HKC311888

7.100.000

- Công suất 55W/AC220-240V
- Kích thước: Ø680mm/H112mm - Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 3800lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 3000K
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền trắng trong
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ

(*) Dự kiến có hàng từ tháng 11/2018



Cool Daylight 6500K Warm White 3000K

HH-LAZ3006K88 (tắt an toàn)

(Khung viền bạc mạ crom)

HH-LAZ3005K88 (tắt an toàn)

(Khung viền trắng mạ crom)

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất 43W/0.22A/AC220-240V
- Kích thước: Ø800mm/H159mm - Trọng lượng: 5kg
- Quang thông: 3500lm - 88.3lm/W - CRI: Ra85
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Thiết kế chống bụi, hạn chế côn trùng
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách

5.400.000



Cool Daylight 6500K Warm White 3000K

HH-LAZ167088

- Diện tích chiếu sáng: 5-10m²
- Công suất 21W/0.175A/AC220-240V
- Kích thước: Ø607mm/H99mm - Trọng lượng: 5kg
- Quang thông: 1600lm - 76.2lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền bạc
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn

5.780.000



Cool Daylight 6500K

HH-LA0619CC88

- Diện tích chiếu sáng: 2-4m²
- Công suất 8W/0.07A/AC220-240V
- Kích thước: Ø258mm/H68.5mm - Trọng lượng: 0.73kg
- Quang thông: 550lm - 68.8lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng trắng 6500K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Độ kín nước IP64
- Dùng chiếu sáng: Phòng tắm, ban công

1.340.000



Cool Daylight 6200K Warm White 2700K

HH-XZ352288

- Diện tích chiếu sáng: 6-10m²
- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: Ø550xH100mm - Trọng lượng:
- Quang thông: 2400lm - 67lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 2700K-6200K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa, khung đèn kim loại màu trắng
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ

(*) Dự kiến có hàng từ tháng 11/2018

4.720.000



Cool Daylight 6500K Warm White 3000K

HH-LAZ181488

- Diện tích chiếu sáng: 5-10m²
- Công suất 21W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø480mm/H80mm - Trọng lượng: 4kg
- Quang thông: 1600lm - 76lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại trắng hoa tuyết
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn

3.950.000

ĐÈN TRẦN LED CỖ TRUNG



Cool Daylight 6500K Warm White 3000K

HH-LAZ181488

- Diện tích chiếu sáng: 5-10m²
- Công suất 21W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø480mm/H80mm - Trọng lượng: 4kg
- Quang thông: 1600lm - 76lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại trắng hoa tuyết
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn

3.950.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN TRẦN LED CỖ TRUNG



Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LA1640DB88**3.440.000**

- Công suất 19W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: L466xW466xH112.5mm - Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng trắng 5000K

HH-XQ254088**3.600.000**

- Công suất 21W/AC220-240V
- Kích thước: L470xW470xH113mm - Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 1600lm - 76lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng công tắc đổi màu ánh sáng 2700K-5000K-6500K
- Diện tích chiếu sáng: 5-10m²
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền vân trong
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn

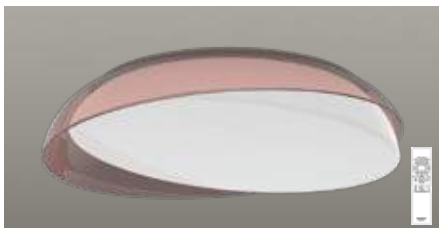
(*) Dự kiến có hàng từ tháng 11/2018



Cool Daylight 5000K

HH-LA1638DB88

- Diện tích chiếu sáng: 5-10m²
- Công suất 19W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: L490xW490xH112.5mm - Trọng lượng: 2.5kg
- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng trắng 5000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, góc viền trang trí nhựa sơn ánh kim
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn

3.600.000

Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-LAZ175088

- Diện tích chiếu sáng: 5-10m²
- Công suất 21W/0.175A/AC220-240V
- Kích thước: Ø512mm/H108mm - Trọng lượng: 3kg
- Quang thông: 1600lm - 76.2lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%), đổi màu ánh sáng trắng 6500K, vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung nhựa màu hồng
- Lắp thêm công tắc lắp tường để điều chỉnh độ sáng (tối đa-bình thường-đèn ngủ)
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn

5.630.000

Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LA157788 (Ánh sáng vàng 2700K)

- Quang thông: 1800lm - 85.7lm/W - CRI: Ra85

HH-LA157888 (Ánh sáng trắng 6500K)

- Quang thông: 1800lm - 85.7lm/W - CRI: Ra85

- Diện tích chiếu sáng: 5-10m²
- Công suất 21W/0.15A/AC220-240V
- Kích thước: Ø460mm/H120mm - Trọng lượng: 2.2kg
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền cạnh kim loại
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn

1.990.000

Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LA157488 (Ánh sáng vàng 2700K)

- Quang thông: 1800lm - 85.7lm/W - CRI: Ra85

HH-LA157688 (Ánh sáng trắng 6500K)

- Quang thông: 1800lm - 85.7lm/W - CRI: Ra85

- Diện tích chiếu sáng: 5-10m²
- Công suất 21W/0.15A/AC220-240V
- Kích thước: Ø460mm/H120mm - Trọng lượng: 2.2kg
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền góc kim loại
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn

1.990.000

Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LA152919 (Ánh sáng vàng 2700K)

- Quang thông: 1380lm - 72.6lm/W - CRI: Ra85

HH-LA153119 (Ánh sáng trắng 6500K)

- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra85

- Diện tích chiếu sáng: 5-10m²
- Công suất 19W/0.15A/AC220-240V
- Kích thước: Ø470mm/H96mm - Trọng lượng: 1.35kg
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền crom trang trí thủy tinh
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn

1.990.000

Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LA152619 (Ánh sáng vàng 2700K)

- Quang thông: 1380lm - 72.6lm/W - CRI: Ra85

HH-LA152819 (Ánh sáng trắng 6500K)

- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra85

- Diện tích chiếu sáng: 5-10m²
- Công suất 19W/0.15A/AC220-240V
- Kích thước: Ø500mm/H96mm - Trọng lượng: 1.25kg
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền bạc
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn

1.990.000

Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LA152319 (Ánh sáng vàng 2700K)

- Quang thông: 1380lm - 72.6lm/W - CRI: Ra85

HH-LA152519 (Ánh sáng trắng 6500K)

- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra85

- Diện tích chiếu sáng: 5-10m²
- Công suất 19W/0.15A/AC220-240V
- Kích thước: Ø500mm/H96mm - Trọng lượng: 1.25kg
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền vân khối
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn

1.990.000

ĐÈN TRẦN LED CỖ NHỎ



Cool Daylight 6500K

HH-LA0606CC88

- Diện tích chiếu sáng: 2-4m²
- Công suất 8W/0.07A/AC220-240V
- Kích thước: 209XW209xH68.5mm - Trọng lượng: 0.67kg
- Quang thông: 550lm - 68.8lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng trắng 6500K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Dùng chiếu sáng: Phòng ngủ, phòng ăn, lối đi trong nhà

1.060.000



Cool Daylight 6500K

HH-LA1038CC88

- Diện tích chiếu sáng: 2-5m²
- Công suất 11W/0.1A/AC220-240V
- Kích thước: Ø317mm/H80mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 1000lm - 90.9lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng trắng 6500K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền màu bạc
- Dùng chiếu sáng: Phòng ngủ, phòng ăn, lối đi trong nhà

1.760.000



Cool Daylight 6500K

HH-LA0417CB88

- Diện tích chiếu sáng: 1-3m²
- Công suất 5W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø200mm/H80mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 350lm - 70lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng trắng 6500K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Dùng chiếu sáng: Phòng ngủ, phòng ăn, lối đi trong nhà

570.000



Cool Daylight 6500K

NNP52600

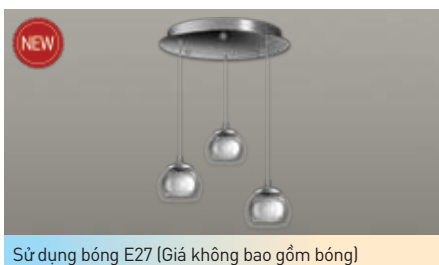
- Diện tích chiếu sáng: 4-6m²
- Công suất 15W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø300mm/H73mm - Trọng lượng: 0.61kg
- Quang thông: 1127lm - 82.31lm/W - CRI: Ra80

1.100.000

NNP52700

- Diện tích chiếu sáng: 4-8m²
- Công suất 20W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø400mm/H73mm - Trọng lượng: 0.61kg
- Quang thông: 1502lm - 78.21lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng trắng 6500K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Sản xuất tại Indonesia
- Dùng chiếu sáng: Phòng ăn, ban công, lối đi trong nhà

1.415.000



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LB3090888

- Diện tích chiếu sáng: 3-5m²
- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max3.5W)/AC220-240V
- Kích thước: Ø493mm
- Tầm treo 1,100mm - 1,200mm
- Trọng lượng: 5kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x3
- Chất liệu: Đế đèn kim loại, chóa đèn thủy tinh
- Dùng chiếu sáng: Phòng ăn

5.530.000



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LM101888

- Diện tích chiếu sáng: 3-5m²
- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)/AC220-240V
- Kích thước: Ø480mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Tầm treo 400mm-1,960mm
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Dùng chiếu sáng: Phòng ăn

4.620.000



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LB1050388

- Diện tích chiếu sáng: 3-5m²
- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)/AC220-240V
- Kích thước: Ø390mm - Trọng lượng: 2.2kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Tầm treo 1,100mm-1,200mm
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Dùng chiếu sáng: Phòng ăn

2.240.000



Warm White 2700K

HH-LB1050188

- Diện tích chiếu sáng: 3-5m²
- Công suất: 8W/0.13A/AC220-240V
- Kích thước: Ø500mm/H110mm - Trọng lượng: 2.5kg
- Quang thông: 1000lm - 56lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng vàng 2700K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ
- Tầm treo 1100mm-1300mm
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa, chụp ngoài bằng kim loại
- Dùng chiếu sáng: Phòng ăn

5.610.000



Warm White 2700K

HH-LB1050288

- Diện tích chiếu sáng: 3-5m²
- Công suất: 8W/0.13A/AC220-240V
- Kích thước: Ø500mm/H110mm - Trọng lượng: 2.5kg
- Quang thông: 1000lm - 56lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng vàng 2700K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ
- Tầm treo 1,100mm-1,300mm
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa, chụp ngoài bằng kim loại
- Dùng chiếu sáng: Phòng ăn

5.610.000

ĐÈN TREO BÀN ĂN LED



Cool Daylight 5000K

HH-LA202988

- Diện tích chiếu sáng: 10-15m²
- Công suất: 32W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: Ø558mm, đường kính tấm phát quang Ø280mm
- Tầm treo: 900mm - 1,200mm
- Trọng lượng: 6.5kg
- Quang thông: 2,550lm - 77lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng trắng 5000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Nhựa trong
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ăn

6.910.000



Cool Daylight 5000K

Warm White 3000K

HH-LA606188

- Diện tích chiếu sáng: 10-15m²
- Công suất: 64W/0.36A/AC220-240V
- Kích thước: Ø787mm, đường kính tấm phát quang Ø280mm
- Tầm treo: 400mm - 700mm
- Trọng lượng: 10.5kg
- Quang thông: 5100lm - 77lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng vàng 3000K/trắng 5000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Nhựa trong
- Dùng công tắc lắp tường để đổi chế độ chiếu sáng (bật 6 đèn/ bật 3 đèn trắng/ bật 3 đèn vàng)
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách, phòng ăn

13.850.000



Warm White 3000K

HH-LB1090388

- Diện tích chiếu sáng: 3-5m²
- Công suất: 17W/0.137A/AC220-240V
- Kích thước: Ø140mm/H30mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 1000lm - 58.8lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ
- Tầm treo 1,100mm-1,300mm
- Chất liệu: Nhựa màu trắng
- Dùng chiếu sáng: Phòng ăn

5.910.000



Warm White 3000K

HH-LB1090588

- Diện tích chiếu sáng: 3-5m²
- Công suất: 17W/0.137A/AC220-240V
- Kích thước: Ø140mm/H30mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 1000lm - 58.8lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ
- Tầm treo 1,100mm-1,300mm
- Chất liệu: Nhựa màu đỏ
- Dùng chiếu sáng: Phòng ăn

5.910.000



Warm White 3000K

HH-LB1150188

- Diện tích chiếu sáng: 5-8m²
- Công suất: 19W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: L540xW540xH104mm - Trọng lượng: 6.2kg
- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng vàng 3000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Tầm treo 400mm-1960mm
- Chất liệu: Nhựa màu trắng sữa
- Dùng chiếu sáng: Phòng ăn

13.310.000

ĐÈN TRANG TRÍ



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LM800388

- Diện tích sử dụng: 15-20m²
- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)/AC220-240V
- Kích thước: Ø808mm/H480mm - Trọng lượng: 12.45kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x8
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách

15.970.000



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LM500388

- Diện tích sử dụng: 15-20m²
- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max11W)/AC220-240V
- Kích thước: Ø625mm/H465mm - Trọng lượng: 8.95kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x5
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ
- Dùng chiếu sáng: Phòng khách

9.960.000



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LM100388

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max11W)/AC220-240V
- Kích thước: Ø134mm/H226mm - Trọng lượng: 1.95kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ

1.650.000

ĐÈN TRANG TRÍ



Cool Daylight

Warm White

HH-HW100388

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)/AC220-240V
- Kích thước: Ø160mm/H240mm- Trọng lượng: 1.58kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu đen, chóa đèn bằng sứ

1.990.000



Cool Daylight 5000K

HH-LW0512388

- Diện tích chiếu sáng: 4-6m²
- Công suất: 10W/0.09A/ AC 220 - 240V
- Kích thước: L585xW230xH125mm
- Trọng lượng: 0.67kg
- Ánh sáng trắng 5000K
- Quang thông: 700lm - 70lm/W - Ra85
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Kim loại màu bạc, chóa đèn bằng nhựa
- Dùng chiếu sáng: Phòng tắm

1.990.000

ĐÈN CHIẾU GƯƠNG LED



ĐÈN TRANG TRÍ LED NHỎ GỌN - Lắp tường & trần, tương đương 60W sợi đốt



Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LW6010419

(Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)

HH-LW6020419

(Ánh sáng vàng 2700K - 49.1 lm/W)

- Công suất 5.5W
- Kích thước: L140xW140xH95mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic

970.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-LW6010519/ HH-LW60105K88

(Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)

HH-LW6020519/ HH-LW60205K88

(Ánh sáng vàng 3000K - 49.1 lm/W)

- Công suất 5.5W
- Kích thước: L168xW168xH96mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic
- Viên vuông xám khói

1.195.000



Cool Daylight 5000K

HH-LW100088

- Công suất 5W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø240mm
- Trọng lượng: 1.5 kg
- Quang thông: 340lm - 70lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng trắng 5000K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Nhựa trong

1.970.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LW6010619

(Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)

HH-LW6020619

(Ánh sáng vàng 2700K - 49.1 lm/W)

- Công suất 5.5W
- Kích thước: L168xW168xH96mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic
- Viên vuông trong suốt

1.195.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 3000K

HH-LW6010719/ HH-LW60107K88

(Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)

HH-LW6020719/ HH-LW60207K88

(Ánh sáng vàng 3000K - 49.1 lm/W)

- Công suất 5.5W
- Kích thước: L168xW168xH96mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic
- Viên vuông trắng nhám

1.195.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LW6010019

(Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)

HH-LW6020019

(Ánh sáng vàng 2700K - 49.1 lm/W)

- Công suất 5.5W
- Kích thước: Ø140mm/ H 95mm/ 0.5kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic

970.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LW6010119

(Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)

HH-LW6020119

(Ánh sáng vàng 2700K - 49.1 lm/W)

- Công suất 5.5W
- Kích thước: Ø178mm/ H 95mm/ 0.6kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic
- Viên vân xám khói

1.195.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LW6010219

(Ánh sáng trắng 6500K - 53.1 lm/W)

HH-LW6020219

(Ánh sáng vàng 2700K - 49.1 lm/W)

- Công suất 5.5W
- Kích thước: Ø178mm/ H 95mm/ 0.6kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng đục acrylic
- Viên vân trắng suốt

1.195.000



Cool Daylight 6500K

Warm White 2700K

HH-LW6010319

(Ánh sáng trắng 6500K - 53.1lm/W)

HH-LW6020319

(Ánh sáng vàng 2700K - 49.1lm/W)

- Công suất 5.5W
- Kích thước: Ø178mm/ H 95mm/ 0.6kg
- Chụp đèn bằng nhựa trắng acrylic
- Viên vân trắng xám

1.195.000

ĐÈN TRANG TRÍ, KÍN NƯỚC NGOÀI TRỜI LED - IP54

**NCL1331** - Đèn trần LED

- Công suất 18W/AC200-240V
- Kích thước: Ø280mm/H63mm - Trọng lượng: 2.4kg
- Quang thông: 1112lm - CRI: Ra84
- PF: 0.93 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám, nắp chụp nhựa trắng sữa



Warm White 3000K

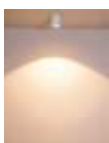
1.680.000



Đèn downlight trụ LED

NSDL2236-73 - Ánh sáng vàng 3000K**NSDL2236-76** - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: Ø90mm/H95mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 480lm - CRI: Ra82
- PF: 0.53 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng chụp đèn thủy tinh trong



Cool Daylight 6000K

Warm White 3000K

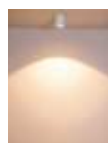
1.210.000



Đèn downlight trụ LED

NSDL2236-203 - Ánh sáng vàng 3000K**NSDL2236-206** - Ánh sáng trắng 5700K

- Công suất 20W/AC200-240V
- Kích thước: Ø95mm/H105mm - Trọng lượng: 1.0kg
- Quang thông: 1616lm - CRI: Ra83
- PF: 0.53 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng chụp đèn thủy tinh trong



Cool Daylight 5700K

Warm White 3000K

1.580.000

**NBL2891** - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 5W/AC200-240V
- Kích thước: W82xH82xL58mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Quang thông: 158lm - CRI: Ra85
- PF: 0.9 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám nhạt



Warm White 3000K

860.000



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2553 (Màu trắng)**NBL2553S** (Màu bạc)

- Công suất 9W/AC200-240V
- Kích thước: W109xH173xL63mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Quang thông: 105lm - CRI: Ra80
- PF: 0.93 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng/bạc



Warm White 3000K

1.150.000

**NBL2691** - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 7W/AC220-240V
- Kích thước: W125xH125xL63mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 344lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm



Warm White 3000K

1.050.000

**NBL2721** - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: W220xH55xL130mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 448lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng

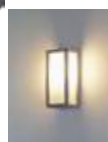


Warm White 3000K

1.580.000

**NBL5705** - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 17.6W (86x0.2W)/AC200-240V
- Kích thước: W110xH250xL103mm - Trọng lượng: 1.1kg
- Quang thông: 448lm - CRI: Ra82
- PF: 0.99 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu đen



Warm White 3000K

1.440.000

ĐÈN TRANG TRÍ, KÍN NƯỚC NGOÀI TRỜI LED - IP54



NBL2621 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W62xH145xL82mm - Trọng lượng: 0.84kg
- Quang thông: 1116lm - CRI: Ra82
- PF: 0.93 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc



Warm White 3000K

1.580.000



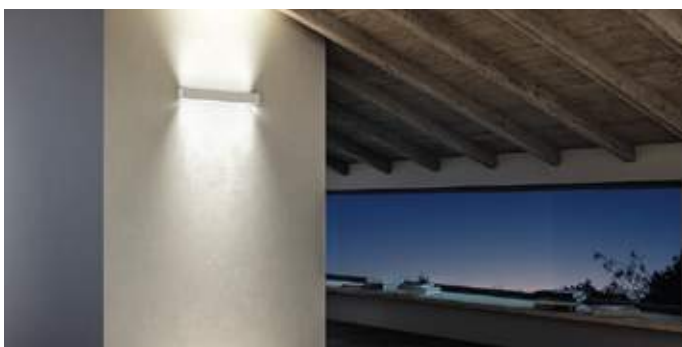
NBL2622 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W62xH95xL82mm - Trọng lượng: 0.64kg
- Quang thông: 577lm - CRI: Ra82
- PF: 0.88 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm



Warm White 3000K

1.080.000



NBL1291 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 36W (56x0.64W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W500xH60xL60mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 2156lm - CRI: Ra84
- PF: 0.99 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng



Warm White 3000K

2.370.000



Sử dụng chóa phụ



Không sử dụng chóa phụ



NBL2541 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W108xH115xL111mm - Trọng lượng: 1.7kg
- Quang thông: 841lm - CRI: Ra83
- PF: 0.90 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu bạc



Warm White 3000K

1.720.000



NBL2851 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W75xH160xL100mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Quang thông: 995lm - CRI: Ra82
- PF: 0.92 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Inox



Warm White 3000K

1.790.000



NBL1791 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 7W /AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W222xH282xL102mm - Trọng lượng: 1.6kg
- Quang thông: 555lm - CRI: Ra85
- PF: 0.5 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng



Warm White 3000K

1.720.000



NBB1466 - Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: W160xH290xL140mm - Trọng lượng: 2.6kg
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Chất liệu: Thủy tinh và nhôm đúc màu đen
- Giá không bao gồm bóng



1.510.000



NBB1463 - Đèn gắn trụ ngoài trời dùng bóng

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: W140xH350xL140mm - Trọng lượng: 2.5kg
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Chất liệu: Thủy tinh và nhôm đúc màu đen
- Giá không bao gồm bóng



1.720.000

ĐÈN TRANG TRÍ, KÍN NƯỚC NGOÀI TRỜI LED - IP54



NGL8453 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L108xW108xH200mm - Trọng lượng: 0.95kg
- Quang thông: 400lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc

Warm White 3000K

1.440.000

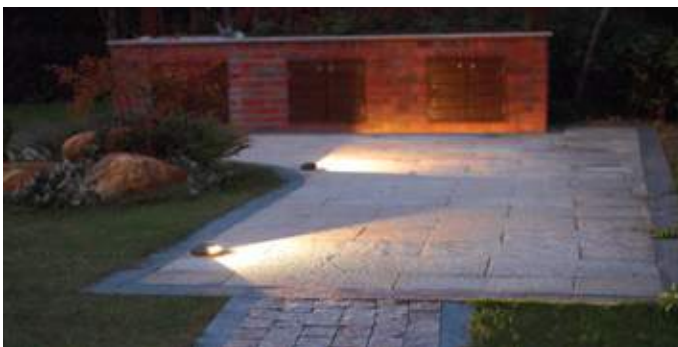


NGL8434 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 14.62W (86x0.17W)/AC200-240V
- Kích thước: W108xH650xL148mm - Trọng lượng: 3.5kg
- Quang thông: 461lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu đen

Warm White 3000K

2.080.000



NGL2723 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W120xH650xL40mm - Trọng lượng: 2.4kg
- Quang thông: 290lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm

Warm White 3000K

1.790.000



NGL1211 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Quang thông: 67lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm

Warm White 3000K

1.510.000

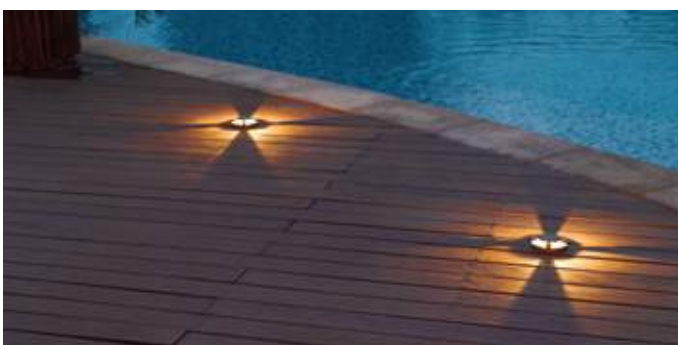


NGL1212 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Quang thông: 135lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm

Warm White 3000K

1.510.000



NGL1214 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Quang thông: 188lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm

Warm White 3000K

1.510.000

ĐÈN TRANG TRÍ, KÍN NƯỚC NGOÀI TRỜI LED - IP54



NGL2641 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ



Warm White 3000K

1.310.000



NGL2642 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W125xH125xL105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ



Warm White 3000K

1.440.000



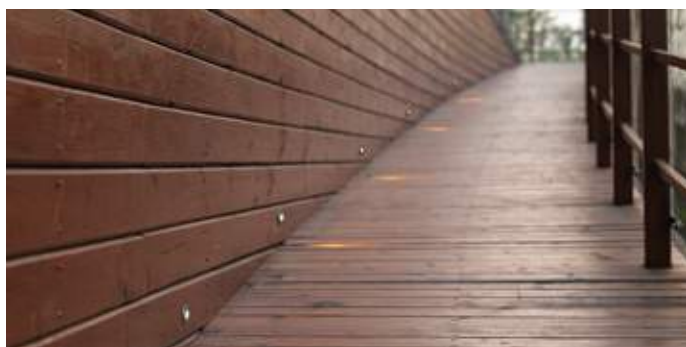
NSL2102 - Đèn LED chiếu chân âm tường

- Công suất: 1W/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W40xH40xL50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80
- PF: 0.5 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ



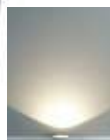
Warm White 3000K

610.000



NSL2101 - Đèn LED chiếu chân âm tường

- Công suất: 1W/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø40xH50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80
- PF: 0.5 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ



Warm White 3000K

570.000



NSL1121A - Đèn LED gắn âm tường chiếu chân

- Công suất: 3.6W (12x0.3W)/AC200-240V
- Kích thước: W140xH125xL125mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Kích thước khoét lỗ: 100x65x57mm
- Quang thông: 75lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng



Warm White 3000K

840.000



NSL2781 - Đèn sân vườn LED chiếu chân

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø95xH81mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Quang thông: 23lm - CRI: Ra80
- PF: 0.53 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ



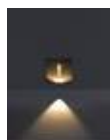
Warm White 3000K

790.000



NSL2782 - Đèn sân vườn LED chiếu chân

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W95xH95xL81mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Quang thông: 23lm - CRI: Ra80
- PF: 0.53 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thép không gỉ



Warm White 3000K

790.000

ĐÈN TRANG TRÍ, KÍN NƯỚC NGOÀI TRỜI LED - IP54



NSL1713 - Đèn LED chiếu chân lắp nổi

- Công suất: 4W (5x0.8W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W95xH95xL31mm - Trọng lượng: 0.3kg
- Quang thông: 185lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc



Warm White 3000K

790.000



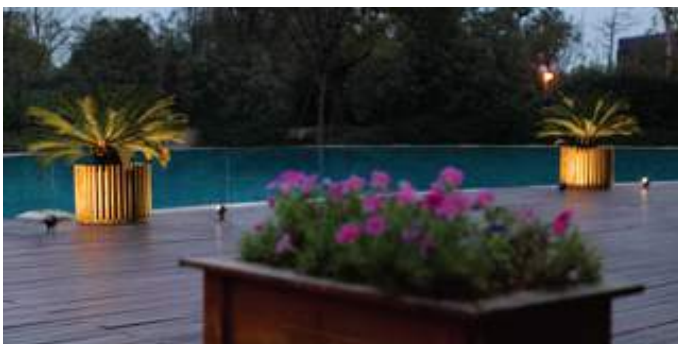
NSL1711 - Đèn LED chiếu chân lắp nổi

- Công suất: 8.8W (11x0.8W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W160xH160xL31mm - Trọng lượng: 0.7kg
- Quang thông: 472lm - CRI: Ra83
- PF: 0.97 - IP65
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc



Warm White 3000K

1.440.000



Đèn spotlight sân vườn LED

NSP2745

9W(1x9W Cree) - 518lm - PF: 0.94

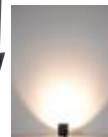
1.370.000

NSP2746

10W(1x10W COB) - 656lm - PF: 0.99

1.290.000

- AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W81xH118xW76mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- CRI: Ra83
- IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm



Warm White 3000K



Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1673 - 10W(1x10W) - 613lm

1.510.000

NSP1676 - 15W(1x15W) - 934lm

1.650.000

NSP1679 - 20W(1x20W) - 1283lm

1.720.000

- AC200-240V-50Hz
- Kích thước: H520xL120mm - Trọng lượng: 1.38kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- PF: 0.99 - CRI: Ra82
- IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm



Warm White 3000K



Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1663 - 10W(1x10W) - 613lm

1.370.000

NSP1666 - 15W(1x15W) - 934lm

1.510.000

NSP1669 - 20W(1x20W) - 1283lm

1.580.000

- AC200-240V-50Hz
- Kích thước: H210xL120mm - Trọng lượng: 1.1kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- PF: 0.99 - CRI: Ra82
- IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm



Warm White 3000K

ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 20,000 giờ



HH-LT062019

- Công suất: 6W/0.05A/AC220-240V
- Kích thước: L177xW177xH468mm - Trọng lượng: 0.86kg
- Quang thông: 300lm - 50lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng trung tính 4000K tự nhiên không gây mỏi mắt, tùy chỉnh độ sáng (10% - 100%) bằng cảm ứng
- Đầu đèn có thể xoay 180°, thân đèn gập 45°
- Thiết kế thanh lịch
- Tiết kiệm điện năng - 6W

Neutral Light 4000K

1.320.000



HH-LT033619

- Công suất: 5W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: L108xW90xH526mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 100lm - 27lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng trung tính 4000K
- Ánh sáng tự nhiên, tỏa đều, với độ diễn sắc cao, có 3 mức điều chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Kiểu dáng hiện đại, tùy chỉnh thân đèn
- Hộp chân đèn thích hợp nhiều công năng sử dụng
- Sử dụng cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Sử dụng liên tục 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

Neutral Light 4000K

895.000



NNP61922 (Xanh) NNP61923 (Bạc) NNP61925 (Xám)

- Công suất: 6W/AC220-240V
- Kích thước: L436xW160xH160mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80
- Ánh sáng trắng 5000K tự nhiên không gây mỏi mắt, tùy chỉnh độ sáng (10% - 100%) bằng cảm ứng với 6 cấp độ khác nhau.
- Thiết kế gọn và có thể gấp đèn sau khi sử dụng
- Đầu đèn có thể xoay được 90 độ
- Tiết kiệm điện năng - 6W

Cool Daylight 5000K

1.780.000



HH-LT023219

- Công suất: 5W/0.06A/ AC 220 - 240V
- Kích thước: L120xW83xH475mm - Trọng lượng: 0.3 kg
- Quang thông: 100lm - 27 lm/W - CRI: Ra80
- Ánh sáng trung tính 4000K
- Ánh sáng tự nhiên, tỏa đều, với độ diễn sắc cao, có 3 mức điều chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Kiểu dáng hiện đại, kích thước nhỏ gọn, thanh mảnh
- Tùy chỉnh thân đèn. Chân đèn có kẹp thích hợp cho nhiều vị trí sử dụng
- Sử dụng cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Sử dụng liên tục 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

Neutral Light 4000K

895.000



NNP63933 (Bạc) NNP63934 (Vàng) NNP63935 (Xám)

- Công suất: 14W (thấp sáng 9W/ sạc điện 5W)/AC220-240V
- Kích thước: L210xW140xH480mm - Trọng lượng: 1.46kg
- Quang thông: 350lm - CRI: Ra80
- Ánh sáng trắng 6500K tự nhiên không gây mỏi mắt, tùy chỉnh độ sáng (10% - 100%) bằng cảm ứng theo ý muốn hoặc 7 bước điều chỉnh ánh sáng (3000K-4700K-6500K)
- Cổng USB có thể sử dụng để sạc cho thiết bị điện tử 3 chế độ, công dụng định sẵn: đọc sách, làm việc, thư giãn
- Tiết kiệm điện năng - 9W

Cool Daylight 6500K

2.950.000



NNP60900 (Trắng) NNP60902 (Xanh)

- Công suất: 4.5W/AC220-240V
- Kích thước: L325xW280xH150mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Quang thông: 150lm - CRI: Ra80
- Ánh sáng trắng 5700K tự nhiên không gây mỏi mắt, tùy chỉnh độ sáng (20% - 100%) bằng cảm ứng
- Thiết kế gọn và có thể gấp đèn sau khi sử dụng
- Tiết kiệm điện năng - 4.5W
- Sử dụng cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Sử dụng liên tục 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

Cool Daylight 5700K

960.000



SQ - LE530K - N (Vàng đồng) SQ - LE530 - W/ SQ - LE530K - W (Trắng) SQ - LE530 - H (Xám đậm)

- Công suất: 7W/AC100-240V
- Kích thước: W66 (cần đèn) x H314mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 150lm (2700K) 350lm (5000K) - CRI: Ra83
- Ánh sáng trắng 5000K tự nhiên không gây mỏi mắt, tùy chỉnh độ sáng (20% - 100%) bằng cảm ứng theo ý muốn hoặc theo 5 cấp độ sáng khác nhau
- Đổi màu đèn LED bằng cách đóng hoặc mở cần đèn
- Một chiếc đèn 2 công dụng:
 - Ánh sáng vàng để thư giãn
 - Ánh sáng trắng để đọc sách, làm việc
- Tiết kiệm điện năng - 7W

Warm White 2700K

Cool Daylight 5000K

3.875.000



NNP60940 (Trắng) NNP60941 (Đen) NNP60946 (Hồng)

- Công suất: 4.5W/AC220-240V
- Kích thước: L160xW147xH370mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 150lm - CRI: Ra80
- Ánh sáng trung tính 4000K tự nhiên không gây mỏi mắt, tùy chỉnh độ sáng (20% - 100%) bằng cảm ứng
- Thiết kế gọn và thanh lịch
- Tiết kiệm điện năng - 4.5W
- Sử dụng cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Sử dụng liên tục 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

Neutral Light 4000K

1.470.000

QUẠT ĐỨNG - Standing fan



- F - 409KB** (Màu xanh)
F - 409KBE (Màu beige)
F - 409KMR (Màu đỏ)
- Đường kính quạt 40cm
 - Chiều cao quạt 128cm - 143cm
 - Công suất 51W
 - Lưu lượng gió 63m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
 - Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ
 - Có remote

3.680.000



- F - 407WGO** (Màu vàng kim)
- Đường kính quạt 40cm
 - Chiều cao quạt 143cm - 171cm
 - Công suất 53.5W
 - Lưu lượng gió 76m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Có trang bị đèn ngủ

3.000.000



- F - 308NHB** (Màu xanh)
F - 308NHP (Màu hồng)
- Đường kính cánh 30cm
 - Chiều cao quạt 91cm - 105cm
 - Công suất 37W
 - Lưu lượng gió 39m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
 - Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
 - Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
 - Có remote

3.650.000



- F - 307KHB** (Màu xanh)
F - 307KHS (Màu bạc)
- Đường kính cánh 30cm
 - Chiều cao quạt 66 - 85cm
 - Công suất 37W
 - Lưu lượng gió 51m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
 - Màng lọc không khí chống bụi và kháng khuẩn
 - Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
 - Có remote

2.550.000

QUẠT BÀN - Desk fan



- F - 400CB** (Màu xanh)
F - 400CI (Màu trắng ngà)
- Đường kính quạt 40cm
 - Công suất 48W
 - Lưu lượng gió 63m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Di chuyển dễ dàng

1.390.000



- F - 409QB** (Màu xanh)
F - 409QGO (Màu vàng)
- Đường kính quạt 40cm
 - Công suất 45W
 - Lưu lượng gió 79m³/phút
 - Quạt đảo 360°
 - Sử dụng hộp số 5 cấp độ gió

2.950.000

QUẠT ĐẢO - Cycle fan



- F - 409MB** (Màu xanh)
F - 409MG (Màu trắng ngà)
- Đường kính quạt 40cm
 - Công suất 51W
 - Lưu lượng gió 63m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ
 - Có remote

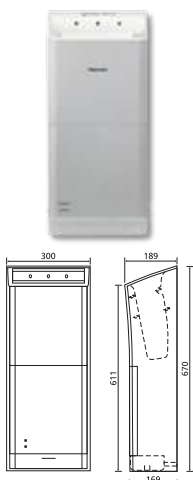
2.590.000



- F - 409UB** (Màu xanh)
F - 409UGO (Màu vàng kim)
- Đường kính quạt 40cm
 - Công suất 47.5W
 - Lưu lượng gió 63m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

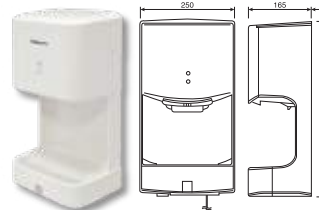
2.090.000

QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan



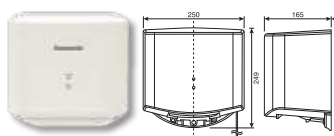
- FJ - T10T1**
- Giúp sấy khô nhanh trong 3 - 5 giây với chức năng sấy từ 2 mặt bên và 4 vòi phun
 - Công suất 1250W
 - Thiết kế sang trọng, hiện đại với màn lọc chống dị ứng và lớp vỏ ngoài kháng khuẩn
 - Chế độ gió thường và gió nóng
 - Có thể chọn tốc độ gió cao và thấp (High/Low), độ ồn 59dB
 - Máy sẽ tự động tắt sau 30 giây hoạt động liên tục
 - Đèn LED tín hiệu
 - Tiết kiệm điện hiệu quả

19.500.000



- FJ - T09A3** (Có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
 - Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
 - Tốc độ gió 120m/phút
 - Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

7.050.000



- FJ - T09B3** (Không có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
 - Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
 - Tốc độ gió 120m/phút
 - Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

5.990.000

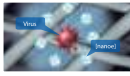
MÁY SẤY TAY - Automatic hand dryer

CÔNG NGHỆ NANOTM



KHÁNG KHUẨN/NGỪA VIRUS

- Diệt 99.9% virus (H1N1) (*) và (H5N1) (*)
- Diệt 99.9% VI KHUẨN (E Coli O157, MRSA-H)



Bao vây virus và vi khuẩn



Vô hiệu hoá virus và vi khuẩn



KHỬ MÙI

- Giảm 90% mùi (mùi thuốc lá) chỉ sau 30 phút



Tấn công phân tử mùi



Phân rã và loại bỏ mùi



GIỮ ẨM DA

- Giúp cho làn da tươi mát và được giữ ẩm tốt



CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ECONAVI

Kiểm tra các chất ô nhiễm

Thông qua cảm biến mùi và cảm biến bụi trong nhà khoảng 10 phút mỗi giờ ở tốc độ trung bình.



Tìm hiểu quy luật ô nhiễm

Ghi nhớ quy luật ô nhiễm trong nhà và tự động đưa ra mô hình hoạt động làm giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm trước khi nó phát tán trong nhà.



Tiết kiệm điện 50% (*)

So sánh với chế độ tự động

TẮM LỌC KHÍ

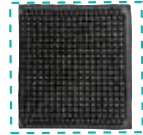
Tắm lọc khí tích hợp



Chỉ vệ sinh khô tránh tiếp xúc với nước

Tắm lọc tích hợp bao gồm bộ tinh lọc Super Allergu-buster, tinh chất Catechin trong trà xanh và Enzyme kháng khuẩn

Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano



Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano giúp khử các mùi hôi như khói thuốc hay mùi thức ăn.



Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng



Vô hiệu hóa Virus



Vô hiệu hóa Vi khuẩn

nano-technology + electric =



MÁY LỌC KHÔNG KHÍ VÀ KHỬ MÙI



F-VXK70A (Máy lọc không khí có tạo ẩm)

- Chức năng tạo ẩm có đèn báo.
- Thiết kế sang trọng, hiện đại.
- Công suất lớn, diện tích sử dụng 52m²
- Chế độ ECONAVI tiết kiệm tới 60% năng lượng tiêu thụ
- Công nghệ MEGACATCHER giúp làm sạch hiệu quả
- Chế độ cảm biến con người, giúp máy tự hoạt động khi có người xuất hiện
- Lưới lọc bụi HEPA hoàn toàn mới, lọc sạch cả các bụi PM2.5 nhỏ li ti
- Lưới lọc mùi và lưới tạo ẩm độ bền cao, tuổi thọ 10 năm

KHUYẾN CÁO

Vệ sinh lưới lọc bằng máy hút bụi hoặc chổi mềm. Không vệ sinh lưới lọc bằng nước và các chất tẩy rửa khác sẽ làm hỏng lưới lọc.

NEW



F - VXK70A

14.500.000



F - PXM55A

12.500.000



F - PXL45A

10.650.000

NEW



F - PXM35A

6.600.000



F - PXJ30A

4.300.000

Thông số kỹ thuật	F - VXK70A	F - PXM55A	F - PXL45A	F - PXM35A	F - PXJ30A
- Lưu lượng gió (m ³ /min) - hi	6.7	5.5	4.5	3.5	2.8
- Điện tiêu thụ [W] - hi	66	49	42	20	30
- Độ ồn [db(A)] - hi	54	52	52	44	44
- Phạm vi hoạt động [(m ²)]	52	42	33	26	20
- Công nghệ lọc	nano TM	nano TM	nano TM	nano TM	nano TM
- Loại Mô-tơ	DC	DC	DC	DC	AC
- Loại lưới lọc	HEPA	HEPA	HEPA	HEPA	-
- Hút gió 3 chiều	●	●	●	●	●
- Cảm biến sensor	Bụi và Mùi - Độ ẩm Ánh sáng-Chuyển động	Bụi và mùi Ánh sáng	Bụi và mùi Ánh sáng	Mùi	Mùi
- Đo mức độ ô nhiễm	●	●	●	●	●
- Đèn báo PM2.5	●	●	●	-	-
- Chế độ tự động	●	●	●	●	●
- Chế độ Turbo	●	●	●	●	●
- Chế độ ngủ [8 giờ]	●	●	●	●	●
- Chế độ bảo thay bộ lọc	●	●	●	●	●
- Chế độ khóa trẻ em	●	●	●	-	-
- Kích thước [C x R x S] [mm]	636x398x265	580x300x205	516x404x235	520x300x189	540x311x210
- Chế độ Econavi	●	●	●	-	-
- Điều khiển bằng remote	-	-	●	-	-
- Tuổi thọ bộ lọc [Hỗn hợp] [Khử mùi]	10 năm	10 năm	3 năm	3 năm	2 năm
- Giá bộ lọc [Hỗn hợp] [Khử mùi]	1.700.000 800.000	1.690.000 750.000	1.350.000 800.000	1.100.000 600.000	750.000 500.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

MÁY BƠM ĐẨY CAO

**GP - 129JXX - SV5**

(Dây điện 15cm)

GP - 129JXX - NV5

(Dây điện 160cm + phích cắm)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 21m

1.470.000**GP - 200JXX - SV5**

(Dây điện 15cm)

GP - 200JXX - NV5

(Dây điện 160cm + phích cắm)

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 21m
- Mô tơ dây đồng

1.870.000**1.890.000****GP - 250JXX - SV5**

(Dây điện 15cm)

GP - 250JXX - NV5

(Dây điện 160cm + phích cắm)

- Công suất 250W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 29m
- Mô tơ dây đồng

2.970.000**2.990.000****GP - 350JA - SV5**

(Dây điện 15cm)

GP - 350JA - NV5

(Dây điện 120cm + phích cắm)

- Công suất 350W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 36m
- Mô tơ dây đồng

4.400.000**4.420.000**

MÁY BƠM TĂNG ÁP

**A - 130JAK**

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m

2.110.000**A - 200JAK**

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng

2.450.000**A - 130JACK**

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng

2.540.000**A - 130JTX**

(Tính năng tạo bọt khí)

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng

3.640.000

MÁY BƠM ĐẨY CAO CÔNG SUẤT LỚN

NEW



	Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Chiều sâu hút (m)	Chiều cao đẩy (m)	Mô tơ dây đồng	Giá bán
GP-10HCN1SVN	740W	99	9	34	●	5.290.000
GP-15HCN1SVN	1110W	145	9	38.7	●	7.100.000
GP-20HCN1SVN	1480W	154	9	46.2	●	8.220.000

**Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm**

Máy bơm Panasonic

Công Nghệ NHẬT BẢN

Chất Lượng HÀNG ĐẦU

BÁN CHẠY SỐ 1
Tại Việt Nam

(*) Theo số liệu khảo sát của GfK thực hiện vào tháng 08/2016 tại 5 thành phố lớn và 10 tỉnh thành tại Việt Nam

HIỆU SUẤT MẠNH MẼ - VẬN HÀNH BỀN BỈ

- Vận hành êm ái, tuổi thọ cao
- Tiết kiệm điện năng
- Tự ngắt nguồn điện khi nhiệt độ bơm quá cao
- Giảm thiểu nguy cơ chập điện

MÁY NƯỚC NÓNG KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Loại 3.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 25°C, loại 4.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 20°C

MÁY NƯỚC NÓNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ EMC" và 9 tính năng an toàn

Dòng tiêu chuẩn



DH-3RL2VH

- Công suất: 3.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vặn xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

2.990.000

Dòng tiêu chuẩn



DH-3RP2VK

- Công suất: 3.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp (0.05 kgf/cm²)
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

4.990.000



DH-4RL1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vặn xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.300.000



DH-4RP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp (0.05 kgf/cm²)
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Bơm bảo hành 5 năm
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.200.000



DH-4MS1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.600.000



DH-4MP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.500.000

Dòng cao cấp điều chỉnh nhiệt độ vô cấp



DH-4NS3VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

4.200.000



DH-4NP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.990.000



DH-4NS3VS

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi crom chắc chắn
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

4.700.000



DH-4NP1VS

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi crom chắc chắn
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

6.700.000

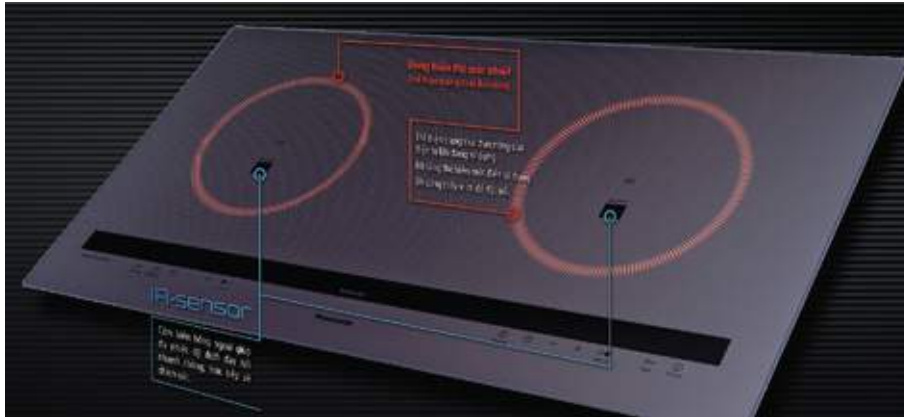


DH-4NTP1VM

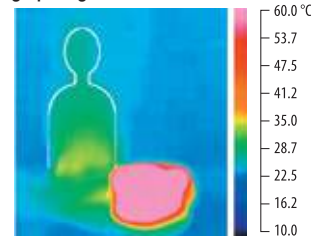
- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới với vỏ công thành lịch, sang trọng
- **Ổn định nhiệt độ nước đầu ra vòi sen**
- Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

6.400.000

BẾP ĐIỆN TỬ



Bếp không bị nóng

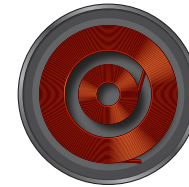


Gian bếp không bị nóng vì bếp từ chỉ làm nóng dụng cụ nấu ăn. Và việc không dùng lửa có nghĩa là bạn có thể thoải mái mở cửa sổ và tận hưởng gió mát.



An toàn

Biểu hiện	Thời gian tắt tự động
Trên bếp không có nồi, đồng thời không ai chạm tay vào nút điều khiển nào	Sau 1 phút (xấp xỉ)
Đun nóng nồi không có thức ăn	Sau 15 phút (xấp xỉ)
Không ai chạm vào bất kỳ nút điều khiển nào	Sau 45 phút (xấp xỉ)



Thiết kế cuộn kép

Cấp điện đồng thời cho cả cuộn trong và cuộn ngoài, giúp tạo nhiệt độ đồng đều và ổn định.

Mã sản phẩm	KY-C227D	25.990.000	KY-A227D	22.990.000
Màu mặt trên	Xám		Đen	
Màu thân	Đen		Đen	
Kích thước (mm)	742(R)*400(S)*107(C)			
Kích thước cửa lỗ (mm)	710(R)*368(S)			
Điện vào	2,800W - 13A		2,800W - 13A	
Công suất (tối đa)	Trái	Phải	Trái	Phải
	2,800W	2,800W	2,800W	1,800W
Cấp độ điều chỉnh nhiệt	9	9	9	8
Cảm biến hồng ngoại	●	●	●	-
Thực đơn nấu tự động	Rán chảo ít dầu/ Rán chảo nhiều dầu	Nấu cháo	-	Nấu cháo
Vòng hiển thị mức nhiệt	●	●	-	-
Công nghệ ECONAVI	●	●	-	-
Điều khiển	Cảm ứng		Cảm ứng	
Hiển thị mức nhiệt	Số		Số	
Khóa an toàn	●	●	●	●
Đèn báo nhiệt độ cao	●	●	●	●
Chế độ tự động tắt	●	●	●	●
Hẹn giờ	●	●	●	●
Xuất xứ	Nhật Bản		Nhật Bản	

MỚI Tính Năng Mới

CẢM BIẾN HỒNG NGOẠI

Cảm biến hồng ngoại giúp đo nhiệt độ dưới đáy nồi nhanh chóng, trực tiếp và chính xác.

Chảo

Mặt bếp bằng thủy tinh

IR-sensor

Xác định chính xác nhiệt độ dưới đáy nồi nhờ cảm biến hồng ngoại.

ECONAVI



CHÍNH XÁC Chương trình điều khiển tăng nhiệt độ nhanh chóng và chính xác theo yêu cầu, duy trì ở mức mong muốn.



ỔN ĐỊNH Đem lại màu nâu sậm đồng nhất cho món ăn.



DUY TRÌ Khi thức ăn trong nồi nguội đi, bếp tăng nhiệt nhanh chóng để duy trì nhiệt độ ở mức cần thiết.

■ Điều chỉnh nhiệt độ chính xác theo cách nấu ăn



Rán thường
40-230°C



Nấu cháo



Rán ngập dầu
140-200°C



QUẠT HÚT MÙI DÙNG ỐNG DẪN - 02 động cơ

Model	FV-70HQ1-S (màu bạc)	FV-70HQ1-GO (màu vàng kim)
Công suất (W)	140	
Lưu lượng gió (CMH)	730	
Độ ồn (dB)	53	
Đường kính lỗ trần (ø)	15 cm	
Cấp tốc độ	2	
Kích thước (mm)	700(L) x 120(H) x 535(D)	
Điều khiển bằng	Cần gạt	
2 động cơ	Hoạt động độc lập	



Chiều dài 70cm

6.900.000

Model	FV-70HQD1-S (màu bạc)	FV-70HQD1-GO (màu vàng kim)
Công suất (W)	140	
Lưu lượng gió (CMH)	730	
Độ ồn (dB)	53	
Đường kính lỗ trần (ø)	15 cm	
Cấp tốc độ	3	
Kích thước (mm)	700(L) x 120(H) x 535(D)	
Điều khiển bằng	Nút nhấn	
2 động cơ	Hoạt động đồng thời	



Chiều dài 70cm

7.780.000



Công nghệ châu Âu TCVN7417-1:2010 IEC61386_1:2008
Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BSEN61386-21:2004 (IEC6138 - 1:2002)

Ống luồn dây điện dạng thẳng

Mã số	Đường kính Ø (mm)	Độ dày (mm)	
FPC16L	Ống luồn dây điện, Ø16, dài 2.92m, 320N, đóng gói 50 ống/bó	0.9 + -0.1	17.000
FPC20L	Ống luồn dây điện, Ø20, dài 2.92m, 320N, đóng gói 50 ống/bó	1.1 + -0.1	22.000
FPC25L	Ống luồn dây điện, Ø25, dài 2.92m, 320N, đóng gói 25 ống/bó	1.3 + -0.1	33.500
FPC32L	Ống luồn dây điện, Ø32, dài 2.92m, 320N, đóng gói 20 ống/bó	1.6 + -0.1	52.000
FPC16	Ống luồn dây điện, Ø16, dài 2.92m, 750N, đóng gói 50 ống/bó	1.4 + -0.1	19.000
FPC20	Ống luồn dây điện, Ø20, dài 2.92m, 750N, đóng gói 50 ống/bó	1.55 + -0.1	25.000
FPC25	Ống luồn dây điện, Ø25, dài 2.92m, 750N, đóng gói 25 ống/bó	1.65 + -0.1	37.000
FPC32	Ống luồn dây điện, Ø32, dài 2.92m, 750N, đóng gói 20 ống/bó	2.0 + -0.1	59.000
FPC16H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø16, 2.92m, 1250N, đóng gói 50 ống/bó	1.6 + -0.1	25.000
FPC20H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø20, 2.92m, 1250N, đóng gói 50 ống/bó	1.9 + -0.1	33.000
FPC25H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø25, 2.92m, 1250N, đóng gói 25 ống/bó	2.0 + -0.1	47.000
FPC32H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø32, 2.92m, 1250N, đóng gói 20 ống/bó	2.2 + -0.1	95.000
FPC40H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø40, 2.92m, 1250N, đóng gói 10 ống/bó	2.4 + -0.1	125.000
FPC50H	Ống luồn dây điện Heavy, Ø50, 2.92m, 1250N, đóng gói 10 ống/bó	2.7 + -0.1	165.000

Khớp nối trơn

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0116	Khớp nối trơn Ø16 Đóng gói 100 cái/bao, 2,000 cái/thùng	800
NPA0120	Khớp nối trơn Ø20 Đóng gói 200 cái/thùng	1.100
NPA0125	Khớp nối trơn Ø25 Đóng gói 100 cái/thùng	1.800
NPA0132	Khớp nối trơn Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	3.300
FPA0140	Khớp nối trơn Ø40 Đóng gói 20 cái/bao	6.600
FPA0150	Khớp nối trơn Ø50 Đóng gói 20 cái/bao	8.800



Ống luồn dây điện dạng xoắn

"Ống luồn dây PVC chống cháy, chống dập
PVC flexible resist fire - resist broken"

Màu trắng	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16W	16mm (50m/cuộn)	140.000
	FRG20W	20mm (50m/cuộn)	180.000
	FRG25WS	25mm (40m/cuộn)	200.000
	FRG32WH	32mm (25m/cuộn)	250.000
Màu xanh	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16G	16mm (50m/cuộn)	180.000
	FRG20G	20mm (50m/cuộn)	240.000
	FRG25GS	25mm (40m/cuộn)	265.000
	FRG32GH	32mm (25m/cuộn)	260.000

Kẹp ống không đế Omega - Đóng gói 100 cái/bao

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NDI16012	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø20	3.000
NDI16034	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø25	3.500
NDI16100	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø32	5.000
NDI16114	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø40	6.500
NDI16112	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø50	8.000



Đầu giảm

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA2016	Đầu giảm 20 - 16 Đóng gói 100 cái/bao	1.100
FPA2520	Đầu giảm 25 - 20 Đóng gói 100 cái/bao	1.900
FPA3225	Đầu giảm 32 - 25 Đóng gói 50 cái/bao	3.200
FPA4032	Đầu giảm 40 - 32 Đóng gói 40 cái/bao	6.600
FPA5040	Đầu giảm 50 - 40 Đóng gói 30 cái/bao	8.800



Đầu và khớp nối ren

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA02162	Đầu và khớp nối răng Ø16 Đóng gói 100 cái/bao, 1,200 cái/thùng	2.500
NPA02202	Đầu và khớp nối răng Ø20 Đóng gói 100 cái/bao, 1,000 cái/thùng	2.800
NPA02252	Đầu và khớp nối răng Ø25 Đóng gói 50 cái/bao, 500 cái/thùng	3.100
NPA02322	Đầu và khớp nối răng Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	5.000



Nắp đậy hộp nối tròn

Mã số		
NPA2620	Nắp đậy hộp nối tròn, vít Đóng gói 60 cái/bao, 1,500 cái/thùng	1.700
NPA2720F	Nắp đậy hộp nối tròn dùng chung với ống mềm PVC, Ø20 Đóng gói 20 cái/bao, 400 cái/thùng	3.300



T nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0420C	T nối có nắp Ø20 Đóng gói 25 cái/bao	6.600
FPA0425C	T nối có nắp Ø25 Đóng gói 10 cái/bao	9.900
FPA0432C	T nối có nắp Ø32 Đóng gói 10 cái/bao	13.500

T nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0416	T nối cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao 1,000 cái/thùng	1.900
NPA0420	T nối cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao 400 cái/thùng	3.700
NPA0425	T nối cho ống Ø25 Đóng gói 25 cái/bao 250 cái/thùng	5.500
NPA0432	T nối cho ống Ø32 Đóng gói 15 cái/bao 150 cái/thùng	7.700
FPA0440	T nối cho ống Ø40 Đóng gói 10 cái/bao	10.000
FPA0450	T nối cho ống Ø50 Đóng gói 10 cái/bao	12.000

Đầu nối ống mềm PVC



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16 Đóng gói 100 cái/bao	9.000
FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20 Đóng gói 100 cái/bao	13.000
FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25 Đóng gói 50 cái/bao	18.000
FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32 Đóng gói 50 cái/bao	27.000

Kẹp đỡ ống



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA1616	Kẹp giữ ống Ø16, Đóng gói 100 cái/bao; 3,000 cái/thùng	900
NPA1620	Kẹp giữ ống Ø20, Đóng gói 100 cái/bao; 3,000 cái/thùng	1.100
NPA1625	Kẹp giữ ống Ø25, Đóng gói 100 cái/bao; 2,000 cái/thùng	1.900
NPA1632	Kẹp giữ ống Ø32, Đóng gói 100 cái/bao; 1,000 cái/thùng	2.800
FPA1640	Kẹp giữ ống Ø40 Đóng gói 50 cái/bao	3.900

Lò xo uốn ống 750N



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016M	Lò xo uốn ống Ø16 - 750N	33.000
FLXU016M2		
FLXU020M	Lò xo uốn ống Ø20 - 750N	57.000
FLXU020M2		
FLXU025M	Lò xo uốn ống Ø25 - 750N	64.000
FLXU025M2		
FLXU032M	Lò xo uốn ống Ø32 - 750N	94.000
FLXU032M2		

Lò xo uốn ống 320N



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016L	Lò xo uốn ống Ø16 - 320N	33.000
FLXU016L2		
FLXU020L	Lò xo uốn ống Ø20 - 320N	57.000
FLXU020L2		
FLXU025L	Lò xo uốn ống Ø25 - 320N	64.000
FLXU025L2		
FLXU032L	Lò xo uốn ống Ø32 - 320N	94.000
FLXU032L2		

Co nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0320C	Co có nắp Ø20 Đóng gói 50 cái/bao	4.400
FPA0325C	Co có nắp Ø25 Đóng gói 40 cái/bao	7.200
FPA0332C	Co có nắp Ø32 Đóng gói 20 cái/bao	11.000

Co nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0316	Co cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao - 1,500 cái/thùng	1.400
NPA0320	Co cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao - 700 cái/thùng	2.200
NPA0325	Co cho ống Ø25 Đóng gói 40 cái/bao - 400 cái/thùng	3.300
NPA0332	Co cho ống Ø32 Đóng gói 20 cái/bao - 200 cái/thùng	5.500
FPA0340	Co cho ống Ø40 Đóng gói 20 cái/bao	8.800
FPA0350	Co cho ống Ø50 Đóng gói 15 cái/bao	11.600

Hộp nối 1 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	6.600
NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.200
NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	7.700
NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã thẳng - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	6.600
NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.200
NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	7.700
NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã vuông - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	6.600
NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.200
NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	7.700
NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.000

Hộp nối 3 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	6.600
NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.200
NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	7.700
NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 4 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	6.600
NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.200
NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	7.700
NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32 Đóng gói 30 cái/thùng	10.000

INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25°C đến 80°C
- Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100°C
- Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất

Made in Austria

Phích cắm cao su di động không kín nước Plug (Splashproof)



- F0511 - S**
- Rubber plug (Splashproof), phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP44
 - Loại không kín nước

81.000



- F0512 - S**
- Solid rubber plug (Splashproof), phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP44
 - Loại không kín nước, chịu va đập

113.000



- F1050 - 0B**
- Socket outlet (Splashproof IP54)
 - Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V, IP54

68.000



- F2510 - S**
- Rubber connector (Splashproof) ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP20
 - Loại không kín nước

82.000



- F106 - 0**
- Mouting box (Splashproof IP44)
 - Để nối cho ổ cắm âm không kín nước

88.000

Ổ cắm chia 3 ngã loại không kín nước (IP44) Multiple-socket outlet (Splashproof IP44)



- F9432006**
- 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.350.000



- F9432000**
- 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.170.000



- F9430401**
- Bộ chia ổ cắm PCE
16A 3P 230V

1.000.000

Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67) Switched interlocked sockets (Watertight IP67)



- F61132 - 6**
- 16A - 3P - 230V - 6H - IP67

1.600.000

- F61252 - 6**
- 32A - 5P - 400V - 6H - IP67

1.790.000



- F75252-6**
- 32A - 5P - 400V - 6H - IP67

3.070.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44) Plug (Splashproof IP44)



- F013 - 6ECO**
- 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

70.000



- F014 - 6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

100.000

- F015 - 6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

112.000

- F023 - 6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

125.000

- F024 - 6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

132.000

- F025 - 6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

165.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) Connector (Splashproof IP44)



- F213 - 6ECO**
- 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

100.000



- F214 - 6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

125.000

- F215 - 6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

155.000

- F223 - 6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

152.000

- F224 - 6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

175.000

- F225 - 6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

222.000

Ổ cắm gắn nối loại không kín nước (IP44) Wall socket (Splashproof IP44)



- F113 - 6** 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

135.000

- F114 - 6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

165.000

- F115 - 6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

175.000

- F123 - 6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

187.000

- F124 - 6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

197.000

- F125 - 6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

211.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44) Flanged socket straight (Splashproof IP44)



- F313 - 6** 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

140.000

- F314 - 6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

156.000

- F315 - 6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

165.000

- F323 - 6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

175.000

- F324 - 6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

180.000

- F325 - 6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

207.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44) Flanged socket sloping (Splashproof IP44)



- F413 - 6** 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

157.000

- F414 - 6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

185.000



- F415 - 6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

206.000

- F423 - 6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

245.000

- F424 - 6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

270.000

- F425 - 6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

295.000

**Phích cắm di động loại kín nước (IP67)
Plug (Watertight IP67)**



F0132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	265.000
F0142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	280.000
F0152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	300.000
F0232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	325.000
F0242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	345.000
F0252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	365.000



F033 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	740.000
F034 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	760.000
F035 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	785.000
F043 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.420.000
F044 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.670.000
F045 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.910.000



F0822 - 10V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	282.000
--------------------	--------------------------------	----------------

**Ổ cắm nối loại kín nước (IP67)
Connector (Watertight IP67)**



F2132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	280.000
F2142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	310.000
F2152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	390.000
F2232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	400.000
F2242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	410.000
F2252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	445.000



F233 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	890.000
F234 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	910.000
F235 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	930.000
F243 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.950.000
F244 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.060.000
F245 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.210.000
F3822-10F9V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	353.000

**Ổ cắm gắn nối loại kín nước (IP67)
Wall socket (Watertight IP67)**



F1132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	407.000
F1142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	470.000
F1152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	515.000
F1232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	550.000
F1242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	590.000
F1252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	625.000



F133 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	980.000
F134 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.080.000
F135 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.180.000



F143 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.400.000
F144 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.550.000
F145 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.700.000

**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)
Flanged socket straight (Watertight IP67)**



F3132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	325.000
F3142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	375.000
F3152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	400.000
F3232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
F3242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	430.000
F3252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	450.000



F333 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	590.000
F334 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	665.000
F335 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	710.000
F343 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.570.000
F344 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.680.000
F345 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.780.000

**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)
Flanged socket sloping (Watertight IP67)**



F4132 - 6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	235.000
F4142 - 6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	265.000
F4152 - 6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	275.000
F4232 - 6F78	32A - 3P - 230V - 9H - IP67	410.000
F4252 - 6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	450.000



F433 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	620.000
F433 - 6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	620.000
F434 - 6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	665.000
F435 - 6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	710.000
F443 - 6	125A - 3P - 400V - 6H - IP66/67	1.520.000
F444 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.670.000
F445 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.860.000

**Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước
Container - Plug and Socket
(Watertight IP67)**



F0242 - 3V	Phích cắm - Plug 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	272.000
-------------------	---	----------------



F1242 - 3V	Ổ cắm nối - Wall socket 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	795.000
-------------------	--	----------------



F2242 - 3V	Ổ cắm nối - Connector 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	390.000
-------------------	--	----------------



F3242 - 3V	Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng Flanged socket straight 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	460.000
-------------------	--	----------------

Bộ tủ điện phân phối



NDB313-232	Tủ điện phân phối IP44 1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm (*) Có ráp bộ theo yêu cầu khách hàng	875.000
-------------------	---	----------------



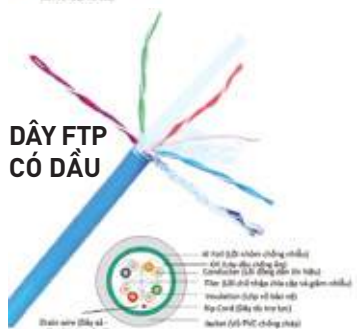
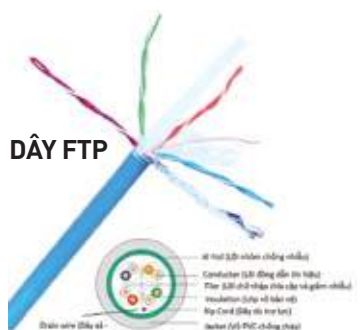
NDB313	Tủ điện phân phối IP44 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm	590.000
---------------	--	----------------

nanoco Isolator Cầu dao kín nước (IP66)



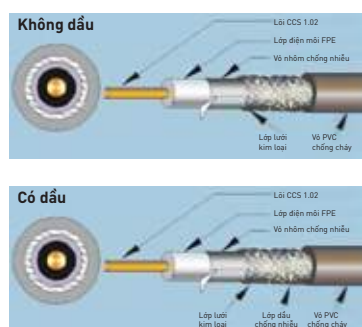
NIS220	2P - 20A - 250V - IP66	240.000
NIS235	2P - 35A - 250V - IP66	250.000
NIS245	2P - 45A - 250V - IP66	285.000
NIS263	2P - 63A - 250V - IP66	300.000
NIS320	3P - 20A - 440V - IP66	300.000
NIS335	3P - 35A - 440V - IP66	310.000
NIS345	3P - 45A - 440V - IP66	355.000
NIS363	3P - 63A - 440V - IP66	370.000
NIS420	4P - 20A - 440V - IP66	345.000
NIS435	4P - 35A - 440V - IP66	360.000
NIS445	4P - 45A - 440V - IP66	400.000
NIS463	4P - 63A - 440V - IP66	420.000

DÂY CÁP MẠNG



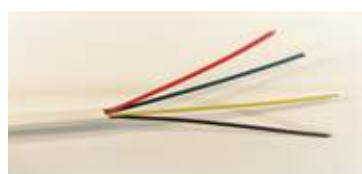
Model	Diễn giải	Conductor O.D.(mm)	Insulation O.D (mm)	Rip Cord	Jacket O.D.(mm)	Giá lẻ
NC5E-U10	Cat5e UTP 0.51mm 4 Pairs 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu trắng	0.51 CCA	PE 0.91	Yes	PVC 5.1	720.000
NC5E-F10	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.51 CCA	PE 1.00	Yes	PVC 5.1	920.000
NC5E-F100	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 5.1	2.500.000
NC5E-F100P	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 24 AWG - Pass fluke test Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xám **Đặt hàng khi có yêu cầu	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 5.1	3.250.000
NC5E-F100 O	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, Có dầu, 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh /trắng	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 5.1	2.950.000
NC6-U10	CAT6 UTP 0.56 mm 4 Pairs 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu trắng	0.56 CCA	PE 1.02	Yes	PVC 6	980.000
NC6-F10	CAT6 FTP 0.56 mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 CCA	PE 1.00	Yes	PVC 6.6	1.230.000
NC6-F100	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh/trắng	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 6.6	3.250.000
NC6-F100P	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 23 AWG - Pass fluke test Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xám **Đặt hàng khi có yêu cầu	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 6.6	4.000.000
NC6-F100 O	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, Có dầu - 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn - Màu xanh /trắng	0.56 BC	PE 1.00	Yes	PVC 6.6	3.850.000

DÂY CÁP ĐỒNG TRỰC



Model	Diễn giải	Conductor O.D.(mm)	Insulation O.D (mm)	Shielding	Jacket O.D. (mm)	Giá lẻ
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Aluminum foil 2. Braiding: 80x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	620.000
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Aluminum foil 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	650.000
NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - Có dầu Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Aluminum foil 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	955.000

DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BẢO CHÁY



Model	Diễn giải	Conductor O.D.(mm)	Insulation O.D (mm)	Jacket O.D.(mm)	Giá lẻ
NTV405	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	0.5 CCA	PVC	PVC	450.000



HỘP NỐI, HỘP ÂM



HALUMIE

T.1



WIDE SERIES

T.2-5



REFINA

T.6



GEN-X

T.7



FULL-COLOR

T.8-9



Ổ CẮM ÂM SÀN

T.9



TỦ ĐIỆN/
BẢNG KEO CÁCH ĐIỆN

T.10



HỘP NỐI, HỘP ÂM

T.11



CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

T.12



CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN

T.12



MCCB / ELB / HB

T.13-14



QUẠT HÚT

T.15-16



QUẠT TRẦN

T.17-18



LED DOWNLIGHT

T.19-20



ĐÈN PHA FLOOD LIGHT/
LED ỐP TRẦN/ LED DÂY

T.21-22



MĂNG ĐÈN/
BÓNG ĐÈN LED T8/T5

T.23



ĐÈN TRẦN LED

T.24-27



ĐÈN TREO BÀN ĂN

T.27-28



ĐÈN TRANG TRÍ/
ĐÈN TƯỜNG

T.28-29



ĐÈN TRANG TRÍ
NGỒI TRỜI LED

T.30-34



ĐÈN BÀN
LED

T.35



QUẠT ĐIỆN

T.36



MÁY SẤY TAY

T.36



MÁY LỌC
KHÔNG KHÍ

T.37



MÁY BƠM

T.38



MÁY
NƯỚC NÓNG

T.39



BẾP ĐIỆN TỬ

T.40



ỐNG THẲNG & ỐNG MỀM
PHỤ KIỆN

T.41-42



PCE

T.43-44



DÂY CÁP

T.45